



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CTCP NHỰA ĐỒNG NAI (DNP CORP)



NỘI DUNG

1. THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT
2. THÔNG TIN CHUNG VỀ DNP CORP
3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016
4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
5. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
6. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
7. QUẢN TRỊ CÔNG TY
8. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
9. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
10. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG điệp CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa các quý cổ đông

Năm 2016 chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng với CTCP Nhựa Đồng Nai ("DNP Corp"). Chúng ta kết nạp thêm 2 đơn vị thành viên mới: CTCP Nhà máy nước Đồng Tâm và CTCP Nhựa Tân Phú. Các hoạt động tái cấu trúc, xây dựng mô hình tổ chức, tuyển dụng và phát triển nguồn lực cao cấp... diễn ra mạnh mẽ. Chúng ta tiếp tục tăng trưởng nhanh với tổng tài sản đạt trên 2.500 tỷ đồng, tổng doanh thu đạt gần 1.500 tỷ đồng, lợi nhuận thuộc về cổ đông công ty mẹ hơn 86 tỷ đồng, tạo công ăn việc làm cho hơn 1.200 nhân sự. DNP Corp và các đơn vị thành viên có 7 nhà máy tại các tỉnh thành khác nhau, tổng công suất các sản phẩm nhựa là 6.800 tấn/tháng, và 140.000m³ nước sạch/ngày đêm.

Kết quả sự hợp tác của Nhựa Đồng Nai và Nhựa Tân Phú cụ thể, và nhiều triển vọng. Theo đó, lần đầu tiên trong lịch sử chúng ta sản xuất đầy đủ phụ kiện uPVC. Đây là yếu tố quan trọng nhất, tạo đà cho kế hoạch phát triển thị trường dân dụng - phân khúc mà các công ty nhựa hàng đầu đang chiếm lĩnh. Với ngành nước sạch, chúng ta tiến tới hoàn thiện các khâu chuẩn bị cuối cùng các dự án nhà máy nước sạch Nhị Thành tại Long An, và Lạng Giang tại Bắc Giang với tổng công suất 120.000m³/ngày đêm. Dự kiến sớm khởi công trong quý 2 năm 2017.

Mô hình tổ chức được định nghĩa rõ ràng hơn, theo đó DNP Corp được tổ chức theo mô hình công ty đầu tư (Investment Holding), gồm nhiều đơn vị thành viên, tập trung cho 2 ngành chiến lược (1) Nhựa và (2) Nước sạch. Chúng ta dành ưu tiên cao nhất cho nước sạch trong khi hoạch định lọt vào top 3 công ty nhựa tại Việt Nam về quy mô và đa dạng sản phẩm trong 5 năm tới. Với ngành nước, DNP-Water sẽ được thành lập trong tháng 4 năm 2017, tổng hợp tất cả các hoạt động đầu tư nước sạch tại DNP Corp với kế hoạch trở thành đơn vị tư nhân số 1 đầu tư vào ngành nước, tiên phong về công nghệ, sáng tạo và trình độ tin học hóa.

DNP Corp đã tổ chức bộ phận IT riêng biệt, được đầu tư và cam kết dài hạn phục vụ cho sự nghiệp tin học hóa công ty, xây dựng hệ thống quản trị thông qua công nghệ thông tin tại các đơn vị thành viên. Song song với

đó, bắt nhịp với các xu hướng công nghệ mới, ứng dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các kế hoạch trên đây sẽ là viễn vọng nếu Công ty không có được đội ngũ có trình độ và cống hiến. Những gì đã làm trong năm 2016 mới chỉ là khởi đầu, chúng ta tiếp tục phải mạnh mẽ hơn nữa. Trong đó, các khu vực điều hành của DNP-water và khuôn mẫu chính xác đã và được định hướng do nhân sự người Nhật bản có kinh nghiệm về quản trị và chuyên môn điều hành, hoặc ưu tiên tuyển dụng nhân sự người Việt Nam có kinh nghiệm làm việc trong môi trường Nhật Bản. Năm 2017, chương trình đào tạo về quản lý, văn hóa doanh nghiệp, nghiệp vụ, được phối hợp giữa nội bộ và thuê ngoài chính thức được khởi động và sẽ duy trì thường xuyên. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cũng sẽ được cải cách đột phá hơn trong thời gian tới để tạo động lực phát triển nguồn nhân lực.

Để đạt được những kết quả đáng khích lệ như năm 2016 cũng như có thể triển khai thành công những mục tiêu, dự định của công ty trong năm 2017, chúng tôi rất cần sự ủng hộ của các quý cổ đông. Tôi tin rằng, bằng khát khao và sự cố gắng, luôn muốn "Làm tốt hơn" mỗi ngày của toàn thể cán bộ nhân viên, DNP Corp chắc chắn sẽ chinh phục được thêm những thành công mới.

Trân trọng cảm ơn

Chủ tịch HĐQT

VŨ ĐÌNH ĐỘ



2. THÔNG TIN CHUNG VỀ DNP CORP

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DNP CORP

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

LĨNH VỰC KINH DOANH

CƠ SỞ HẠ TẦNG

MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



2.1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DNP CORP

Tên đầy đủ
CTCP NHỰA ĐỒNG NAI

Mã chứng khoán
DNP
(Tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hnx)

Vốn điều lệ
300.056.240.000 VNĐ
(Tại ngày 31/12/2016)

Trụ sở chính
ĐƯỜNG SỐ 9, KCN BIÊN HOÀ 1, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

Văn phòng HĐQT
TẦNG 10, TOÀ NHÀ HTP, 434 TRẦN KHÁT CHÂN, HÀ NỘI

Chủ tịch HĐQT
MR. VŨ ĐÌNH ĐỘ

Tổng giám đốc
MR. NGÔ ĐỨC VŨ

CHẶNG ĐƯỜNG 4 NĂM NHÌN LẠI:

Vốn hoá thị trường
858 tỷ đồng

Vốn điều lệ
300 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu
575 tỷ đồng

Tổng tài sản
2.538 tỷ đồng

Tăng trưởng gộp bình quân trong 4 năm

48%/năm

về doanh thu thuần

82%/năm

về lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ

Số lượng đơn vị thành viên
4 đơn vị

Số lượng nhà máy, đơn vị
11 địa điểm

5 nhà máy nhựa,

2 nhà máy nước,

2 dự án xây dựng nhà máy nước,

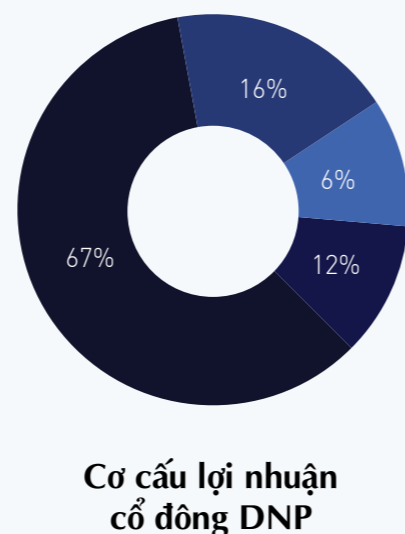
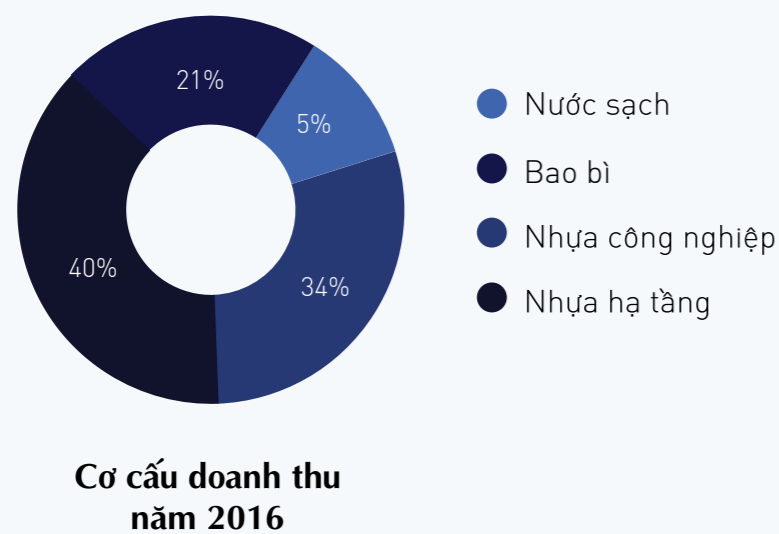
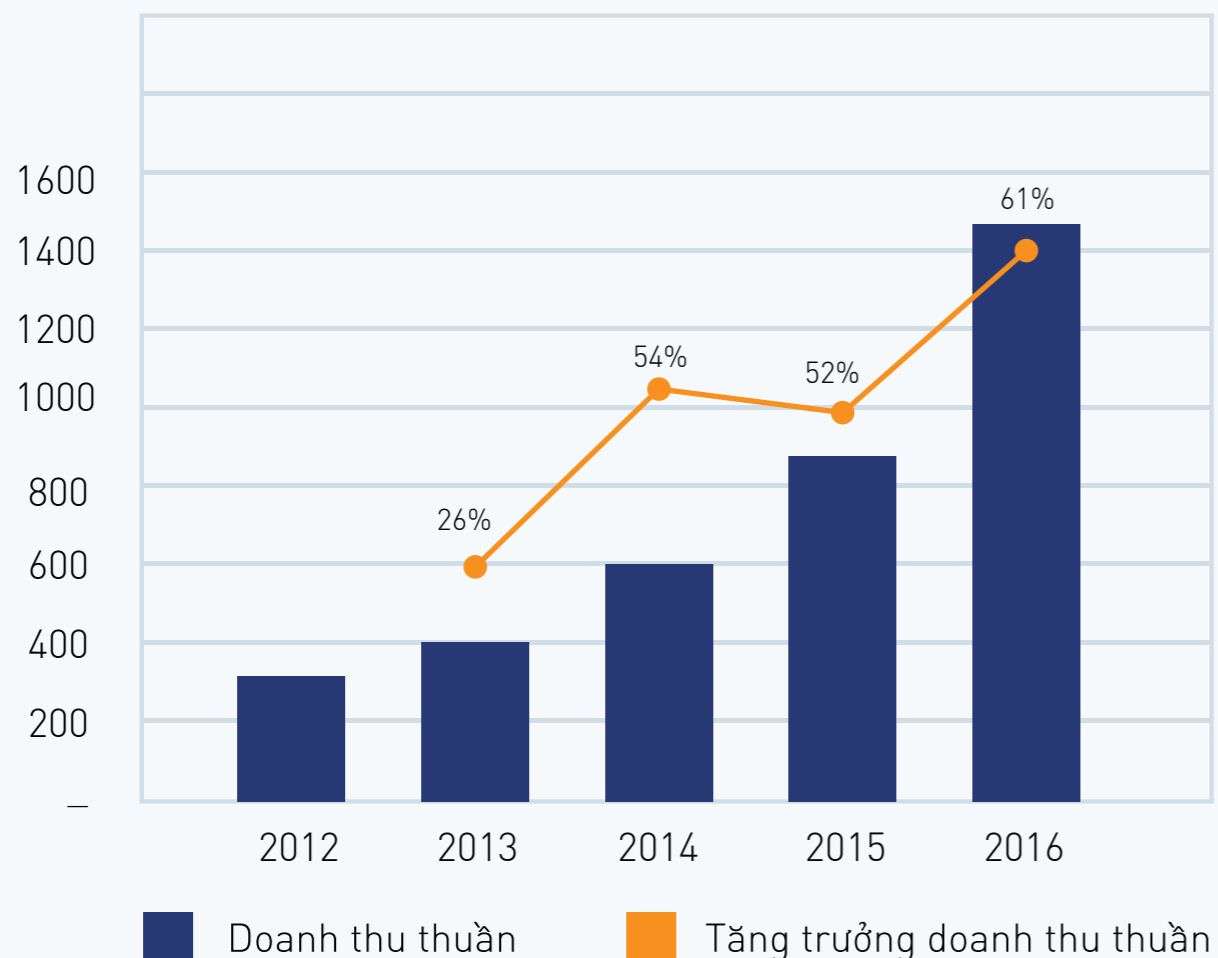
2 văn phòng làm việc tại Hà Nội và HCM

Sự hiện diện sản phẩm
Các sản phẩm của DNP Corp hiện diện trên khắp các tỉnh thành của Việt Nam và vươn ra các nước châu Âu

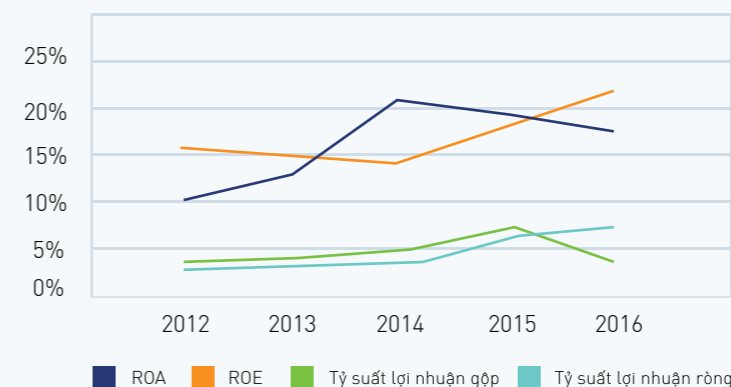
Số lượng cán bộ CNV
1.200

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

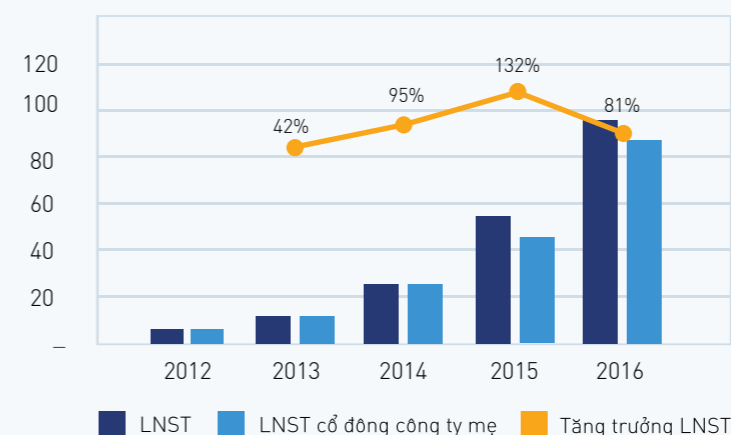
Tăng trưởng doanh thu hàng năm



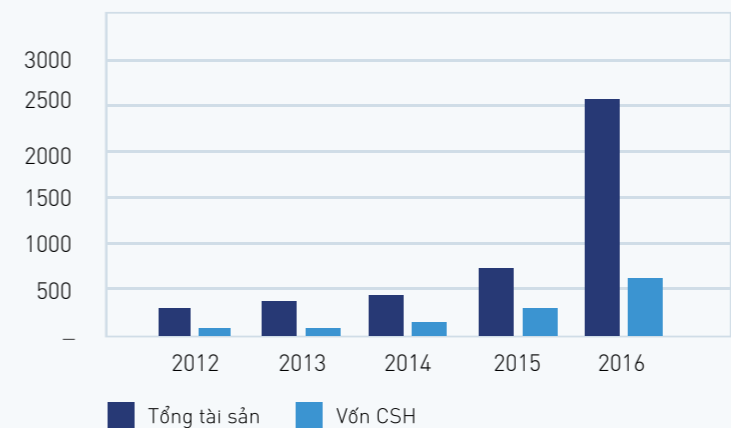
Chỉ tiêu sinh lời giai đoạn 2012-2016



Lợi nhuận thực hiện qua các năm



Chỉ tiêu về quy mô vốn và tài sản



Trong những năm qua, DNP Corp đã có những bước tăng trưởng vượt bậc trên tất cả các phương diện: tài sản, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quy mô phát triển thị trường, quy mô vốn...

Những thành công đó đến từ tăng trưởng tự lực của các mảng truyền thống như ống nhựa hạ tầng, bao bì mềm xuất khẩu. Đồng thời, cũng là kết quả của quá trình đầu tư mua chi phối các đơn vị khác trong ngành nhựa và ngành nước để gia tăng giá trị cho DNP Corp.

Bằng việc sở hữu Nhựa Tân Phú, DNP Corp đang sở hữu và vận hành tất cả công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa cơ bản (từ công nghệ đùn ống, đùn thổi HDPE-PP-chai nhiều lớp, sản xuất PET, ép phun, ép thổi...), nâng tầm vị thế về sản xuất các sản phẩm nhựa với chất lượng cao và công nghệ hiện đại.

Việc mua sở hữu Nhà máy nước Đồng Tâm với công suất 90.000m³ ngày đêm cũng khởi động hướng đi chiến lược lâu dài của DNP Corp là đầu tư mạnh mẽ cho ngành nước.

Hiện tại, doanh thu chính của DNP Corp vẫn đến từ mảng Nhựa, bao gồm cả mảng ống nhựa hạ tầng, bao bì và nhựa công nghiệp. Dự kiến các năm tới, với sự tập trung đầu tư mạnh mẽ cho ngành nước sạch, cơ cấu doanh thu đóng góp từ mảng nước sạch sẽ tăng lên đáng kể, phù hợp với mục tiêu lâu dài của DNP Corp trong ngành nước sạch.

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

DNP Corp theo đuổi mục tiêu trở thành Công ty Việt Nam tầm cỡ quốc tế với sức mạnh cạnh tranh vượt trội tại hai lĩnh vực chính **nước sạch** và **sản xuất nhựa**

SỨ MỆNH

Chúng tôi cam kết đầu tư lâu dài cho ngành nước bằng tất cả nguồn lực với niềm đam mê cao nhất, tiên phong ứng dụng công nghệ cao, tạo dựng giải pháp đột phá trong mô hình cấp nước sạch cho mọi người dân Việt Nam.



2.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập
hình thức
công ty nhà
nước

1993



Bắt đầu sản
xuất ống
nhựa HDPE

1998



Đầu tư nhà
máy sản xuất
bao bì mềm
xuất khẩu

2005



Xây dựng
nhà máy
sản xuất
ống nhựa
thứ 2 đặt tại
Quảng Nam

2007



Nâng công
suất nhà
máy ống
nhựa lên
3000 tấn/
tháng

2010



Trở thành
nhà sản
xuất và
cung cấp
ống nhựa
hạ tầng số 1
Việt Nam

2014



Hoàn thành tăng
vốn điều lệ lên
300 tỷ đồng

Đầu tư mua sở hữu
Nhựa Tân Phú
Đầu tư sở hữu Nước
Đông Tâm công suất
90.000m³/ngày đêm

2016



1996

Bắt đầu sản
xuất ống
nhựa uPVC



2004

Cổ phần
hoá với số
Vốn điều lệ
3 tỷ đồng



2006

Chuyển
niêm yết
trên Sở
GDCK Hà
Nội (HNX)-
mã chứng
khoán DNP



2008

Là nhà sản
xuất đầu
tiên ở Việt
Nam đầu
tư sản xuất
ống HDPE
1000mm



2012

Tái cấu trúc
toàn diện
công ty
Thay đổi
HĐQT và
Ban điều
hành



2015

Đầu tư mua chi phối
nhà máy nước Bình Hiệp
Công suất 50.000m³/
ngày đêm

Tăng vốn điều lệ lên
135 tỷ đồng

2.3. LĨNH VỰC KINH DOANH

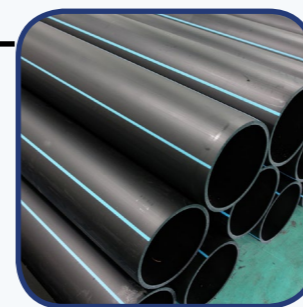


A - NGÀNH NƯỚC SẠCH

Sản xuất nước sạch sinh hoạt tại các địa phương, cung cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn cho người sử dụng.
Hiện nay, DNP Corp đang sở hữu và vận hành tổng công suất 140.000 m³ ngày đêm, và triển khai 2 dự án xây dựng mới tổng công suất 120.000m³/ngày đêm



B - NGÀNH NHỰA



Ống nhựa hạ tầng HDPE, uPVC cung cấp cho các dự án xây dựng mạng lưới cấp thoát nước, tưới tiêu công nghiệp.
Đồng thời sản xuất và cung cấp vật tư, phụ tùng ngành nước
Tổng năng lực sản xuất 4.000 tấn/tháng, chiếm thị phần số 1 tại Việt Nam, hiện diện trên hầu hết các tỉnh thành từ Nghệ An trở vào phía Nam



Các sản phẩm nhựa công nghiệp bao gồm: các sản phẩm PET, Két nhựa, vỏ bình ắc quy, chai, can thùng, vỏ (sơn, bảo vệ thực vật, dược phẩm, thực phẩm...)
Tổng công suất 1.800 tấn/tháng, chiếm thị phần top 5 mảng nhựa công nghiệp. Các khách hàng lớn và thường xuyên như Coca Cola, Sabeco, Lavie, Pinaco...

[Sản phẩm của Nhựa Tân Phú](#)



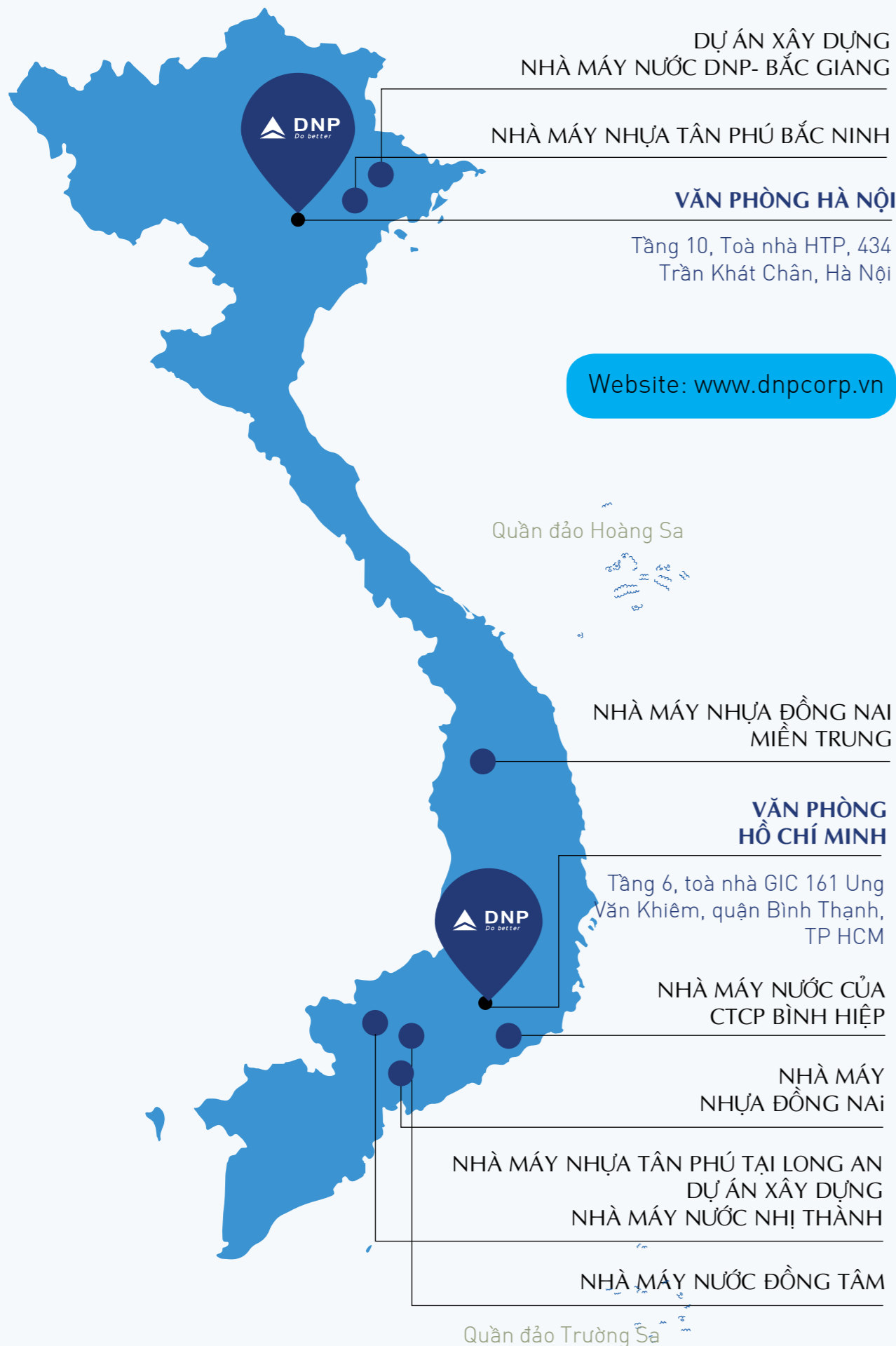
Ống nhựa và phụ kiện uPVC, PPR, HDPE cung cấp cho các dự án xây dựng dân dụng
Tổng năng lực sản xuất: 1000 tấn/tháng, khả năng sản xuất hơn 200 bộ sản phẩm với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cho mọi công trình.

[Sản phẩm của Nhựa Đồng Nai](#)



Bao bì mềm xuất khẩu: Starseal, block, Sandwich, T-shirt đến các thị trường Châu Âu: Đức, Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ... Tổng công suất 1.000 tấn/tháng, đạt tiêu chuẩn cao.

[Sản phẩm của Nhựa Đồng Nai](#)



2.4. CƠ SỞ HẠ TẦNG

▲ DNP NGÀNH NƯỚC

CTCP BÌNH HIỆP

A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận

Nhà máy nước Cà Giang

Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận

Nhà máy nước Tân Thành

Tân Thành, Tỉnh Bình Thuận

CTCP NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG TÂM

Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang

DNP - BẮC GIANG

Tầng 4, Toà nhà Viettel Bắc Giang, số 4A, Minh Khai, TP Bắc Giang

DNP - LONG AN

250 Hùng Vương, P.4, TP.Tân An, Tỉnh Long An

3 Nhà máy sản xuất nước sạch sinh hoạt với tổng công suất thiết kế 140.000 m³/ngày đêm tại các tỉnh Bình Thuận và Tiền Giang

2 Dự án xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch tại Bắc Giang và Long An với tổng công suất thiết kế 120.000m³/ngày đêm

▲ NHỰA ĐỒNG NAI

TRỤ SỞ CHÍNH

Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

NHỰA ĐỒNG NAI MIỀN TRUNG

Lô 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, Quảng Nam

2 nhà máy sản xuất ống nhựa HDPE

2 nhà máy sản xuất ống uPVC

1 nhà máy sản xuất bao bì mềm xuất khẩu

▲ NHỰA TÂN PHÚ

TRỤ SỞ CHÍNH

314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

CHI NHÁNH LONG AN

Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa Hạ (Lô C16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

CHI NHÁNH BẮC NINH

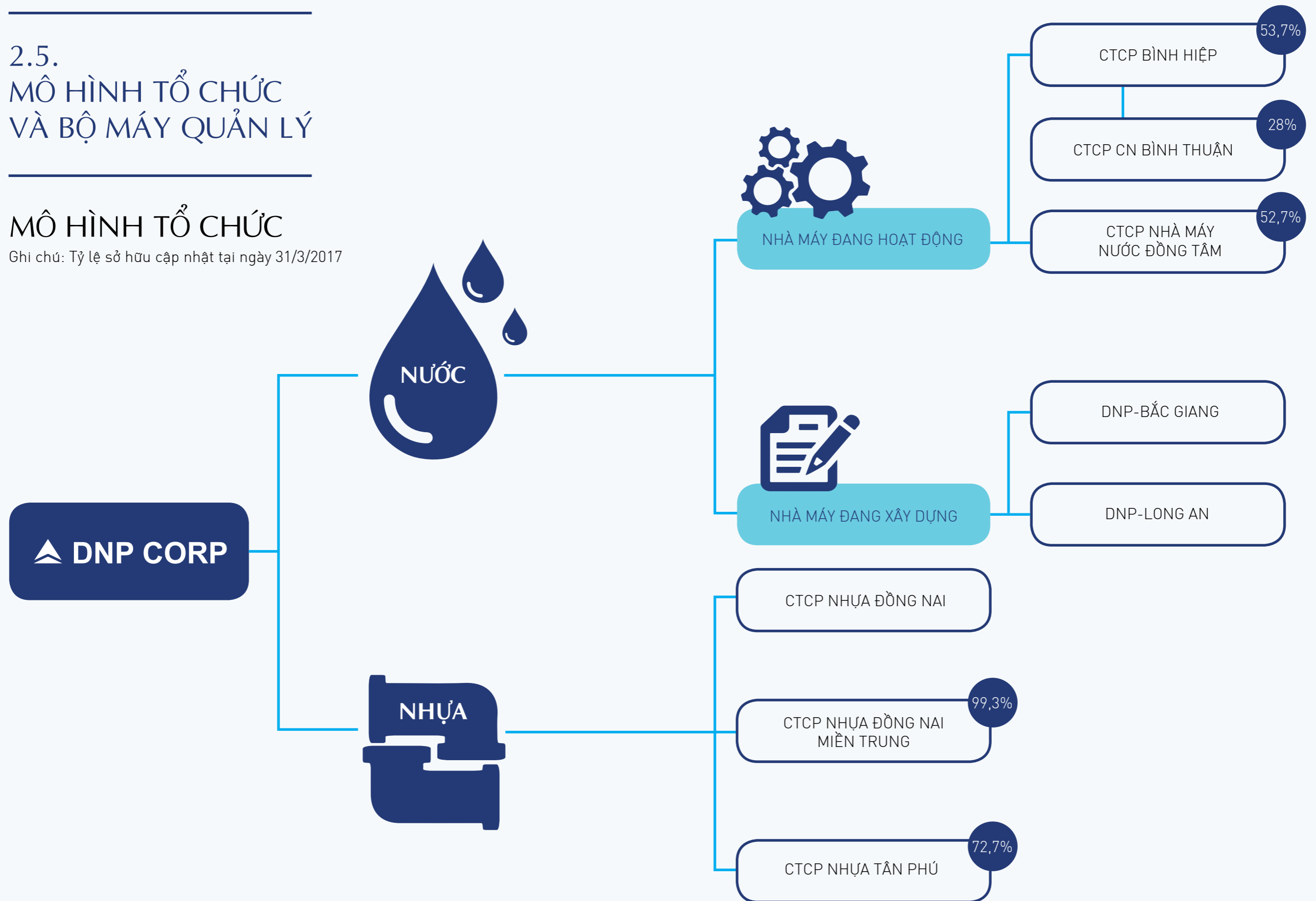
Cụm CN Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh

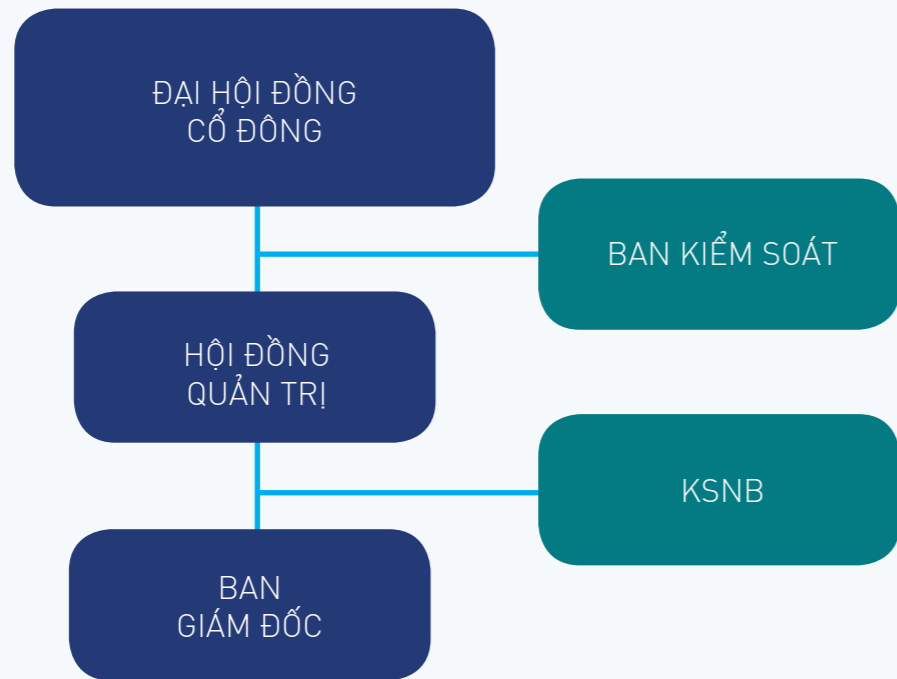
Các nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp đạt chuẩn quốc tế như: sản phẩm PET, vỏ bình ac quy, két nhựa, can, chai, bình... đựng các sản phẩm hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, dược, hoá mỹ phẩm, thực phẩm

2.5. MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

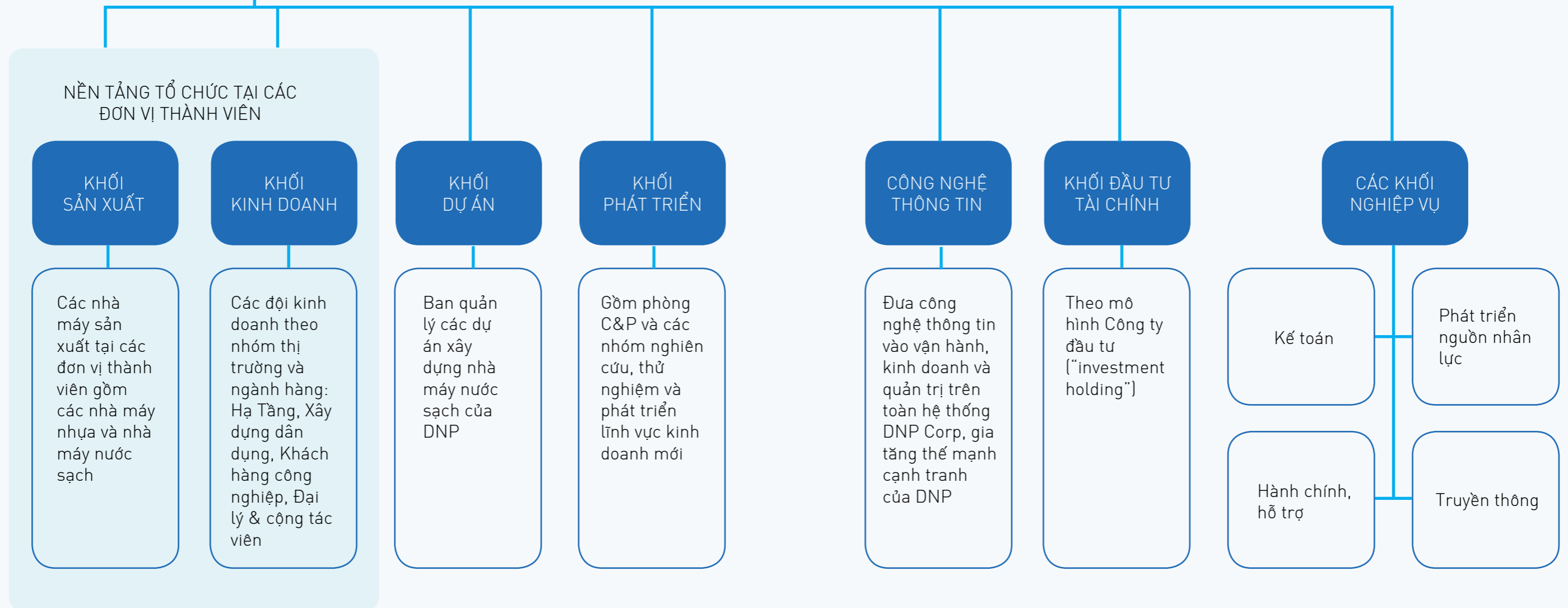
Ghi chú: Tỷ lệ sở hữu cập nhật tại ngày 31/3/2017





BỘ MÁY QUẢN LÝ

DNP Corp hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (Investment holding), trong đó DNP Corp (hay DNP Holding) thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy nước mới và hoạt động M&A (mua bán - sáp nhập) và (iv) thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực và các nguồn lực phát triển chung như công nghệ thông tin (IT), khởi ngân hàng đầu tư (IB), nghiên cứu & phát triển (C&P). Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP Corp.



2.6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



1. Ngành nước

Trong những năm gần đây, Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề nổi cộm liên quan đến nguồn nước sinh hoạt của người dân như: tác động của biến đổi khí hậu kèm theo hạn hán, xâm nhập mặn và lũ lụt cùng lúc, dẫn đến thiếu nước sạch trầm trọng; nguồn nước suy giảm, chưa được chú trọng bảo vệ và ngày càng đối diện với nguy cơ ô nhiễm; vấn đề về chất lượng nước và vệ sinh an toàn thực phẩm được chú ý hơn bao giờ hết. Hiện nay, bình quân chỉ 50% người dân Việt Nam được tiếp cận với nước sạch và nhu cầu nước sạch còn rất lớn. Lượng nước sạch cung cấp cho khu vực đô thị cũng chỉ đáp ứng trung bình 108 lít/người/ngày đêm, ít hơn rất nhiều so với mức 150 lít/người/ngày đêm của Thái Lan cách đây 4 năm. Với khu vực nông thôn còn thấp hơn rất nhiều.

Trong khi đó, các doanh nghiệp trong ngành nước chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước hoặc do nhà nước chi phối, hiệu quả hoạt động không cao. Nguồn vốn đầu tư cho ngành nước phụ thuộc vào ngân sách hoặc nguồn vay ODA, giải ngân chậm và không hiệu quả.

Trước tình hình đó, dựa vào kinh nghiệm khi đầu tư, vận hành các nhà máy nước hiện hữu, cũng như kinh nghiệm cung cấp ống nhựa và thi công mạng lưới cấp nước tại các địa phương của Việt Nam, DNP Corp đã xác định hướng đi cho mình trong dài hạn là đầu tư cho ngành nước, với mục tiêu mang đến cho mọi người dân Việt Nam đủ nước sạch và ngon, bằng tất cả nguồn lực và niềm đam mê.

Để thực hiện được điều đó, DNP Corp sẽ xây dựng mô hình Công ty đầu tư ngành nước (DNP-Water), đầu tư sở hữu và vận hành (trực tiếp hoặc gián tiếp) các nhà máy nước tại các địa phương của Việt Nam. Chiến lược đầu tư bao gồm:

- Đầu tư tăng công suất và tăng hiệu quả hoạt động tại các nhà máy hiện hữu của DNP Corp
- Tiếp tục triển khai các dự án xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch mới của DNP
- Tìm kiếm và thực hiện đầu tư với tư cách cổ đông chiến lược vào các doanh nghiệp trong ngành nước tại địa bàn có tiềm năng tăng sản lượng cấp nước đáp ứng nhu cầu của người dân.

Định hướng đến 2025, DNP Corp sở hữu tổng công suất 1 triệu m³/ ngày đêm.

2. Ngành nhựa

Ngành nhựa trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng vẫn đang trong chu kỳ phát triển mạnh mẽ trên mọi khía cạnh: công nghệ, sản phẩm, ứng dụng và thị trường. Các sản phẩm nhựa trên đã và đang được sử dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống, từ hạ tầng, xây dựng dân dụng, đến kỹ thuật công nghiệp và gia dụng. Tại Việt Nam, ngành nhựa tuy khá non trẻ so với thế giới nhưng cũng đã phát triển nhanh chóng với khả năng sản xuất các sản phẩm cơ bản: sản phẩm nhựa hạ tầng, sản phẩm nhựa xây dựng dân dụng, sản phẩm nhựa công nghiệp và đồ gia dụng. Các sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu từ các nhà sản xuất nước ngoài với sự đa dạng cao từ chủng loại, mẫu mã đến chất lượng.

Tại DNP Corp, hai đơn vị sản xuất kỳ cựu trong ngành là Nhựa Đồng Nai và Nhựa Tân Phú đã hợp nhất để trở thành đơn vị sản xuất Nhựa hàng đầu tại Việt Nam, với đầy đủ kỹ thuật công nghệ, kinh nghiệm sản xuất và phát triển thị trường ở tất cả các sản phẩm trọng yếu trong ngành nhựa. DNP Corp đã và đang đầu tư lớn cả về lượng và chất vào máy móc trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ tiên tiến, áp dụng mô hình quản trị sản xuất của Nhật Bản và các nước tiên tiến... để nâng tầm chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Không dừng lại ở đó, chúng tôi đang tiếp tục tìm kiếm và học hỏi những công nghệ mới, sản phẩm mới để đảm bảo tăng chất lượng sản phẩm và thân thiện với môi trường, hướng đến mục tiêu nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam, nâng cao độ tin nhiệm đối với các sản phẩm Việt.





TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2017-2025

TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP TƯ
NHÂN VIỆT NAM:

SỐ 1 Ngành
nước sạch

SỐ 1 Ngành
ống nhựa hạ tầng

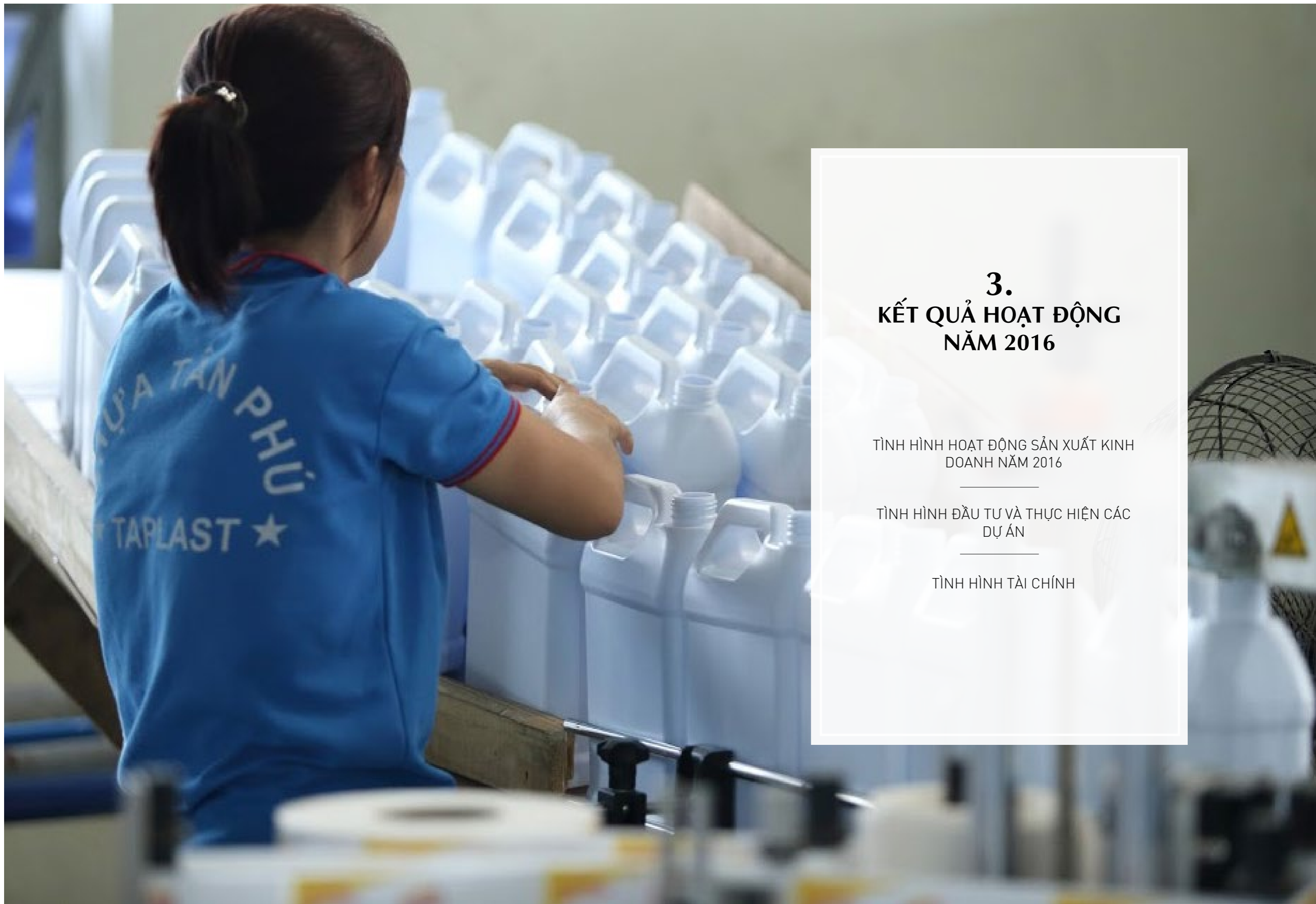
SỐ 1 Phụ kiện
dân dụng

Top 3 Nhựa
công nghiệp

Top 5 Nhựa
gia dụng

CHIẾN LƯỢC THỰC HIỆN:

- 1.** Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực
- 2.** Xây dựng và tổ chức bộ máy quản trị và điều hành hiện đại, chuyên nghiệp theo mô hình tiên tiến
- 3.** Xây dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh, minh bạch, đề cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới phát triển bền vững
- 4.** Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam
- 5.** Xây dựng phát triển thị trường mới trong các chuỗi sản phẩm trọng tâm của DNP Corp
- 6.** Tập hợp sức mạnh tập thể của tất cả đơn vị thành viên dưới một mái nhà chung DNP Corp để tạo lợi thế cộng hưởng vượt trội



3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH NĂM 2016

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC
DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1.TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016, DNP Corp thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, chuyển dịch trọng tâm chiến lược kinh doanh sang lĩnh vực nước sạch với việc mua cổ phần chi phối Nhà máy nước sạch BOO Đồng Tâm (công suất thiết kế 90.000 m3/ngày đêm), khởi động xây dựng 2 nhà máy nước sạch DNP-Long An và DNP- Bắc Giang với tổng công suất thiết kế 120.000 m3/ngày đêm..

Lĩnh vực sản xuất nhựa được đầu tư để nâng cao chuỗi giá trị công nghệ bằng việc mua cổ phần chi phối Công ty CP Nhựa Tân Phú, qua đó sở hữu đầy đủ chuỗi công nghệ hóa nhựa từ thổi, đùn, ép phun đến chế tạo khuôn mẫu chính xác.

Các khoản đầu tư tài chính (như đầu tư Vinaplast, Tân Phú Miền Trung, Việt Lào), mảng kinh doanh không liên quan đến lĩnh vực cốt lõi (như mảng thương mại hạt nhựa tại Tân Phú Sài Gòn) được tiến hành thanh lý để tập trung nguồn lực tốt nhất cho mảng kinh doanh chiến lược.

Việc chuyển đổi quyết liệt và tập trung quản trị sản xuất kinh doanh các lĩnh vực cốt lõi (ngành nước sạch và ngành sản xuất nhựa), triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, phát huy kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển dự án nhà máy nước, xây dựng thương hiệu, marketing, bán hàng và kênh phân phối sản phẩm nhựa, DNP Corp đã đạt được thành tựu ban đầu, các chỉ tiêu quan trọng đều tăng trưởng mạnh và vượt kế hoạch đặt ra:

➤ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016 SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM
1	Doanh thu hợp nhất	1.622	1.457	90%
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	110	115	104%
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	92	96	104%
4	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	75	86	115%

Lợi nhuận sau thuế đạt 86 tỷ đồng hoàn thành 115% kế hoạch. Lợi nhuận vượt kế hoạch, mặc dù doanh thu thấp hơn kế hoạch, là kết quả của (i) chu kỳ giá dầu, giá nguyên liệu từ hóa dầu thấp, lãi suất và tỷ giá ổn định; và (ii) phản ánh chiều sâu và chất lượng của tăng trưởng, trong đó:

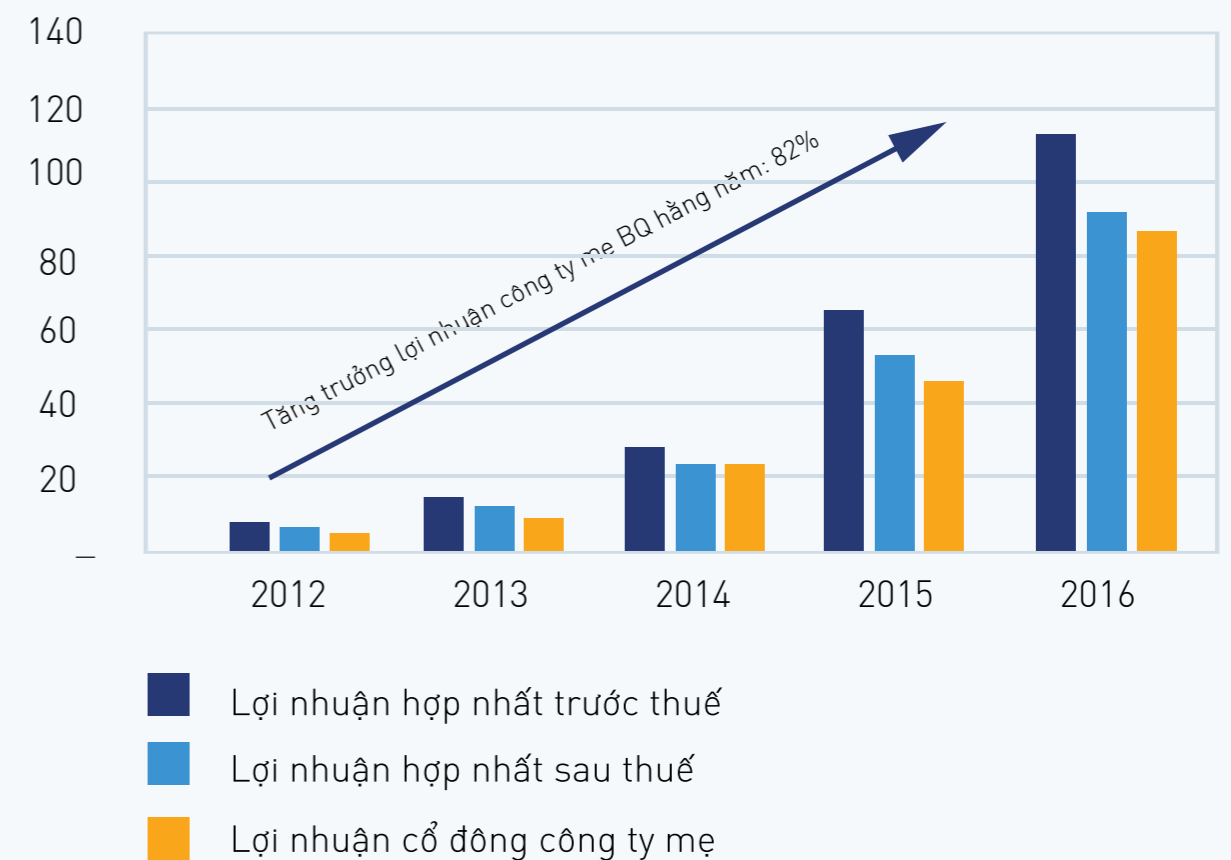
- Ngành nước tiếp tục duy trì mức lợi nhuận ổn định và còn dư địa lớn để tăng trưởng
- Ngành nhựa (ống nhựa hạ tầng, bao bì, nhựa công nghiệp): tăng thị phần ở phân khúc khách hàng mục tiêu, danh mục khách hàng tốt, không phát sinh khách hàng mới có nợ xấu.

➤ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ

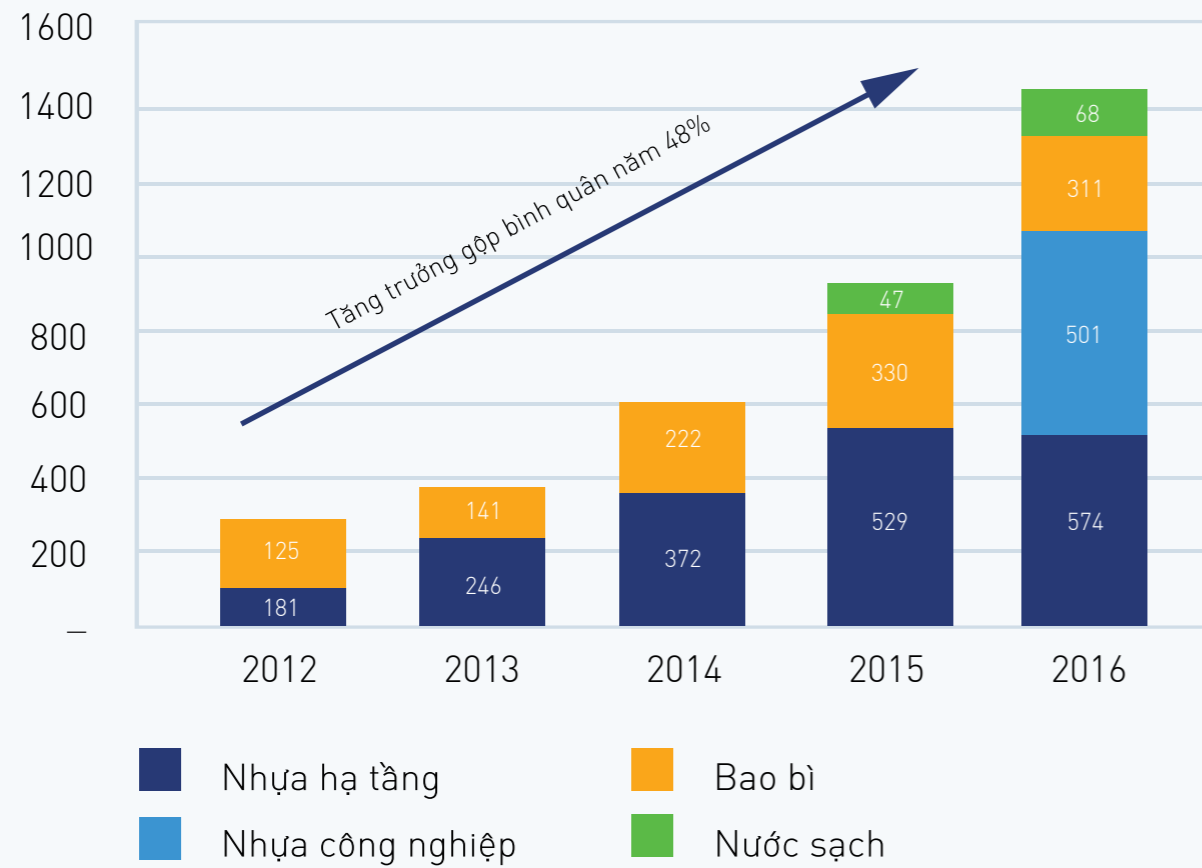
STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2015	% THỰC HIỆN 2016 SO VỚI 2015
1	Doanh thu hợp nhất	1.457	906	161%
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	115	62	187%
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	96	53	181%
4	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	86	45	192%
5	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)	3.882	4.266	91%

DNP Corp tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng doanh thu cao trên 50% liên tục trong 5 năm gần đây. Tăng trưởng được thực hiện thông qua tăng trưởng tự nhiên của mảng kinh doanh hiện hữu và tăng qua M&A. Phản ánh tốc độ và chiều sâu tăng trưởng, và là thành tựu của một mô hình tổ chức đầu tư của DNP Corp (xem thêm Sơ đồ tổ chức, trang 20-21)

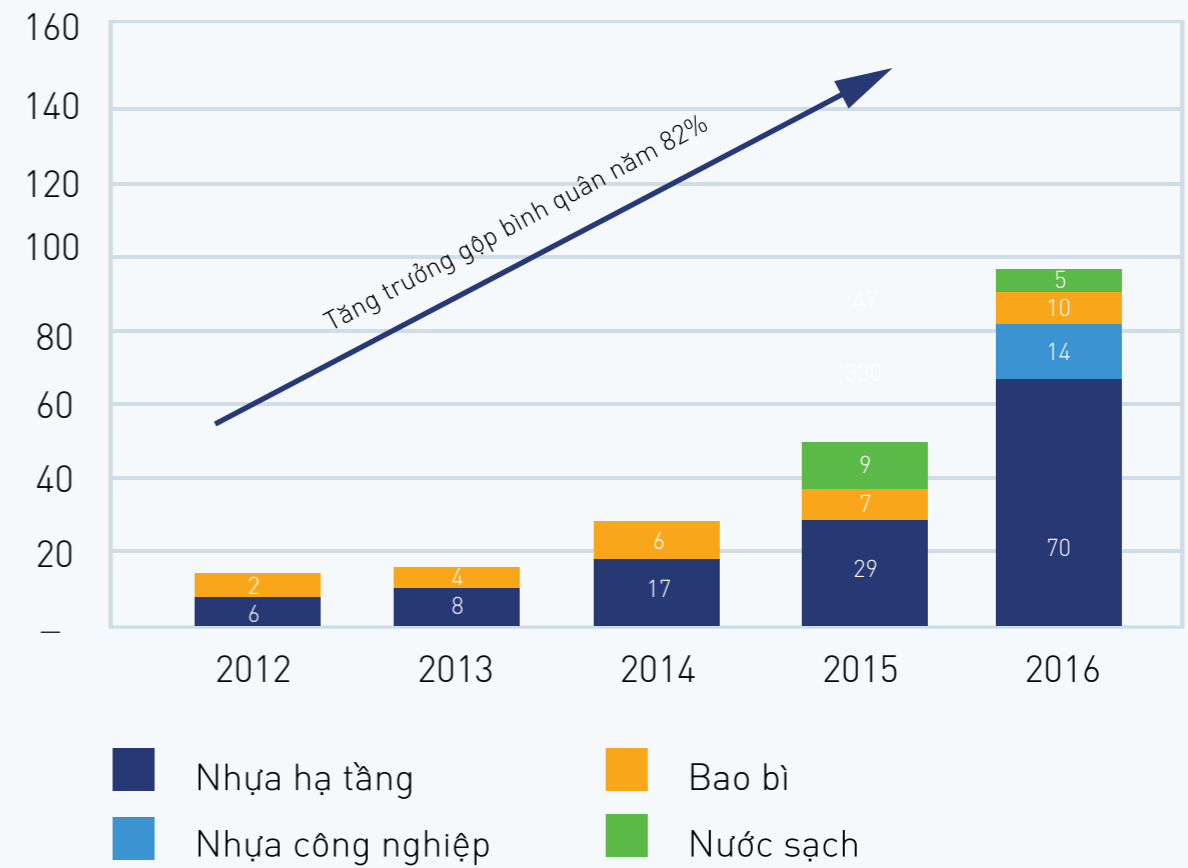
➤ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LỢI NHUẬN QUA CÁC NĂM



CƠ CẤU DOANH THU VÀ TĂNG TRƯỞNG



CƠ CẤU LỢI NHUẬN VÀ TĂNG TRƯỞNG



ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ DOANH THU, LỢI NHUẬN

Năm 2016, doanh thu hợp nhất của DNP Corp đạt 1.457 tỷ, tăng trưởng 161%, hoàn thành 90% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 86 tỷ đồng, tăng trưởng 192%, hoàn thành 115% kế hoạch.

Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cao và liên tục trong 5 năm liền, và đạt mức bình quân 55% và 95% tương ứng. Hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung vào 2 lĩnh vực chiến lược là nước sạch và sản xuất nhựa.

1. Ngành nước sạch

Tiếp tục duy trì mức lợi nhuận ổn định, dòng tiền thuần từ hoạt động (EBITDA) luôn lớn hơn 40% và còn dư địa rất lớn để tăng trưởng, phát triển. Điển hình, Nhà máy nước Bình Hiệp đóng góp doanh thu 51 tỷ, lợi nhuận trước thuế 21 tỷ, Nhà máy nước Đồng Tâm bắt đầu hợp nhất từ tháng 9/2016 với doanh thu Quý IV là 16,8 tỷ, lỗ trước thuế 9 tỷ. Dư địa tăng trưởng của Nhà máy nước Đồng Tâm thể hiện qua hạ tầng nhà máy nước đã sẵn sàng với công suất 70.000 m³/ngày đêm, Quý IV/2016 mới thực phát nước 25.000 m³/ngày đêm, thì đến cuối năm 2016 đã phát gần 40.000 m³/ngày đêm. Trong năm 2017, nhà máy đã ký cam kết cung cấp tối thiểu 50.000m³/ngày đêm cho đơn vị phân phối để cung cấp đủ nước sạch đáp ứng nhu cầu của người dân tại Tiền Giang. Bên cạnh đó, việc nâng công suất Bình Hiệp từ hiện hữu 30.000 m³/ngày lên 60.000 m³/ngày và công suất của BOO Đồng Tâm từ 50.000 lên 90.000 m³/ngày sẽ không tiêu tốn nhiều vốn đầu tư do hệ thống cụm xử lý và tuyến ống chính đã được phản ánh trong thiết kế và xây dựng của giai đoạn 1.

2. Ngành sản xuất nhựa

01 Bao bì xuất khẩu: doanh thu ổn định 15 triệu USD/năm, sản lượng tiêu thụ 85% công suất thiết kế, gần đạt ngưỡng tối đa cho thị trường Châu Âu. Tiềm năng tăng trưởng ở thị trường Nhật, Mỹ, Úc và nội địa được công ty bắt đầu nghiên cứu trong năm 2017.

02 Ống nhựa xây dựng: riêng mảng ống hạ tầng năm 2016 đạt mức doanh thu 578 tỷ. Bắt đầu tham gia thị trường ống xây dựng dân dụng, với quy mô thị trường ước đạt 12.000 tỷ năm 2017 sẽ là cơ hội tăng trưởng lớn cho Nhựa Đồng Nai.

03 Nhựa công nghiệp: Năm 2016 sản lượng sản xuất công nghiệp của đạt 501 tỷ, tăng nhẹ 5% cùng kỳ. Tuy nhiên điểm nhấn của năm đầu tiên sau khi sáp nhập vào DNP Corp là việc Tân Phú hoàn thiện đội ngũ và đầu tư thiết bị công nghệ mới cơ bản đã hoàn thiện, được khách hàng toàn cầu (Cocacola, Lavie..) đánh giá cao và gia tăng thị phần, tạo sức bật mạnh cho năm 2017 và về sau.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO TỪNG MẢNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NƯỚC SẠCH

Tổng tài sản của DNP Corp được dịch chuyển mạnh mẽ qua mảng kinh doanh chiến lược nước sạch, từ 80 tỷ năm 2015 lên 900 tỷ năm 2016.

DNP Corp có lợi thế cạnh tranh trong đầu tư nhà máy nước sạch: (i) hơn 20 năm kinh nghiệm tham gia cung cấp ống nhựa hạ tầng (từ nhà máy nước đến đến hệ thống truyền tải [cấp 1, cấp 2] và phân phối [cấp 3], mang lại sự hiểu biết địa phương và am hiểu khách hàng (đơn vị mua hàng trực tiếp là công ty cấp nước và người tiêu dung cuối cùng là hộ gia đình); (ii) sự kết hợp giữa nền tảng sản xuất và cung ứng ống nhựa hạ tầng với tiềm lực phát triển dự án, DNP Corp luôn là ưu tiên của các địa phương khi lựa chọn đối tác phát triển dự án nhà máy nước sạch cho địa phương; (iii) DNP Corp có năng lực xây dựng nhà máy nước với chi phí thấp hơn 1 cách đáng kể do việc tự sản xuất và thi công xây dựng tuyến ống (thường chiếm trên 80% tổng kinh phí đầu tư nhà máy nước).

Bên cạnh đó, DNP Corp đang vận hành 2 nhà máy nước Bình Hiệp (công suất thiết kế 30.000 m³/ngày) và Đồng Tâm (công suất thiết kế 90.000 m³/ngày).

Với hồ sơ năng lực trên, DNP Corp đã được UBND tỉnh Long An, Bắc Giang, Tiền Giang tin tưởng giao quyền đầu tư và phát triển các nhà máy nước tại địa phương, nhà máy nước Nhị Thành, nhà máy nước Lạng Giang, nhà máy nước Cai Lậy, tương ứng.

Kết quả tài chính của 2 nhà máy nước hiện hữu là bằng chứng cho sự hiệu quả của đầu tư nước sạch:

- Bình Hiệp: doanh thu 51 tỷ, lợi nhuận trước thuế 21 tỷ, EBITDA 57%
- Đồng Tâm: doanh thu Quý IV/2016 16,8 tỷ, lỗ 9,8 tỷ, EBITDA 84 %. Quý I/2017 đã tăng sản lượng tiêu thụ từ 25.000 m³/ngày lên 45.000 m³/ngày. Và tiếp tục nhận được yêu cầu từ khách hàng tăng sản lượng tiêu thụ lên 55.000 trong quý II/2017. Năm 2017, với sự tham gia quản lý điều hành của DNP Corp, sẽ là năm đầu tiên Đồng Tâm đạt điểm hòa vốn và bắt đầu có lợi nhuận khi sản lượng vượt 50.000 m³/ngày





ỐNG NHỰA XÂY DỰNG

Tiếp tục tăng trưởng bền vững dựa trên vị thế thương hiệu và sự khẳng định thị phần số 1 đối với thị trường ống nhựa hạ tầng cho cấp nước và thoát nước, xử lý nước thải. Thực hiện việc cấu trúc từ năm 2013 về hoạt động bán hàng và chiến lược phát triển lâu dài cùng ngành cung cấp nước sạch, ngành ống nước hạ tầng của công ty đã đạt mức tăng trưởng cao liên tiếp trên 40% trong 3 năm từ 2013.

Năm 2016 công ty tiếp tục duy trì được thị phần cao tại khu vực miền Trung và miền Nam đặc biệt các địa bàn cấp nước như: Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận, Đồng Nai, Tp. HCM, Tiền Giang, Cần Thơ và Kiên Giang... Trong năm 2016 công ty đã thực hiện cung cấp và thực hiện nhiều dự án lớn gồm: dự án tuyến ống cấp 1 (D1000) cho nhà máy nước mặt Sông Lam (Nghệ An) quy mô hơn 50 tỷ đồng, tuyến ống nước làm mát nhà máy nhiệt điện Thái Bình quy mô hơn 80 tỷ, dự án thu gom xử lý nước thải thành phố Đà Nẵng quy mô hơn 80 tỷ.

Năm 2016 công ty cũng đã hoàn thành cơ bản việc đầu tư thiết bị cho sản phẩm ống & phụ kiện uPVC, PPR, đặt nền tảng cho việc phát triển ngành ống nhựa dân dụng và M&E (nhà cao tầng, khu đô thị, dân cư, khu du lịch, dịch vụ)

BAO BÌ XUẤT KHẨU

Sản lượng tiêu thụ đã khai thác đạt 85% công suất thiết kế (1.100 tấn / tháng) của nhà máy sản xuất bao bì.

Sản phẩm bao bì của Nhựa Đồng Nai đang xuất khẩu đến 10 nước Châu Âu. Khách hàng là các siêu thị lớn nhất tại các quốc gia sở tại.

Doanh thu xuất khẩu ổn định hàng năm khoảng 15 triệu USD và thanh toán ngay là nguồn thu ngoại tệ giúp công ty giảm chi phí tài chính (lãi suất và tỷ giá).

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của mảng bao bì xuất khẩu ổn định 4%, ít phụ thuộc vào giá nguyên liệu đầu vào, là kết quả của mô hình hợp tác sản xuất đại trà quy mô lớn giữa nhà sản xuất gốc OEM (Nhựa Đồng Nai) và các siêu thị lớn của Châu Âu.

Sản lượng cao và ổn định là cơ sở để công ty cải thiện quản trị sản xuất, nâng cao hiệu quả. Năm 2017, Nhựa Đồng Nai tiếp tục nghiên cứu sản phẩm bao bì mới cho các phân khúc thị trường mới như Nhật Bản, Mỹ, Úc và cả thị trường nội địa Việt Nam.



NHỰA CÔNG NGHIỆP

Nhựa Tân Phú là thương hiệu hàng đầu và truyền thống hơn 40 năm trong lĩnh vực nhựa công nghiệp và kỹ thuật của Việt Nam. Danh mục khách hàng lớn, trung thành và có tên tuổi, sức lan tỏa như bình xạ Pinaco, Á Mỹ Gia, P&G, Nestle, Lavie, Sabeco, Cocacola, Vinamilk, các công ty bảo vệ thực vật.

Với việc sáp nhập vào DNP Corp từ Quý I/2017, Nhựa Tân Phú thực hiện quá trình tái cơ cấu mạnh mẽ. Thanh lý các khoản đầu tư tài chính (Vinaplast, Việt Lào, TPP Miền Trung), dừng hoạt động mảng thương mại hạt nhựa. Đồn nguồn lực tốt nhất cho sản xuất nhựa công nghiệp và kỹ thuật.

Nhân sự cao cấp được đầu tư mạnh mẽ với việc thu hút các chuyên gia đầu ngành nhựa về khuôn mẫu, công nghệ hóa nhựa, phát triển kinh doanh từ các doanh nghiệp sản xuất FDI lớn Nhật Bản, và doanh nghiệp tốt nhất cùng ngành của Việt Nam.

Đầu tư nâng cấp nhà xưởng, đạt theo tiêu chuẩn Y tế GMP, vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP, môi trường làm việc 5S của Nhật Bản. Thiết bị mới nhập khẩu từ Đức, Nhật tung bước thay thế máy móc cũ. Đây là điều kiện tiên quyết để cung cấp sản phẩm cho các khách hàng lớn, toàn cầu, tiêu chuẩn khắt khe.

Một năm sau công cuộc tái cấu trúc, Tân Phú bước đầu ghi nhận các kết quả chuyển biến vượt bậc. Tỷ suất lợi nhuận tăng 2.5% lên 4,2% nhờ việc cắt giảm mảng thương mại hạt nhựa, cải thiện hiệu quả sản xuất. Khách hàng lớn nhất trong từng lĩnh vực đã tham quan nhà máy, ghi nhận và hài lòng sự tiến bộ vượt bậc. Quá đó có thêm nhiều khách hàng mới (Vinamilk, X-Men) và gia tăng thị phần ở khách hàng hiện hữu (Pinaco, Nestle, Lavie, Cocacola, Á Mỹ Gia...)

3.2.TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM 2016

Các khoản đầu tư của DNP Corp đều được cân nhắc và xem xét kỹ về tính hiệu quả và đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển, lĩnh vực kinh doanh cốt lõi (ngành nước sạch và ngành nhựa).

Tình hình thực hiện đầu tư của Công ty mẹ DNP Corp trong năm 2016 như sau:

ĐẦU TƯ CHI PHỐI CÔNG TY CP NHỰA TÂN PHÚ (TPP)

LÝ DO THỰC HIỆN

Nhựa Tân Phú là nhà sản xuất nhựa công nghiệp và kỹ thuật có thương hiệu mạnh và truyền thống hơn 40 năm của ngành nhựa Việt nam. TPP có 4 nhà máy ở TP HCM, Long An, Nghệ An và Bắc Ninh, đội ngũ kỹ thuật có tay nghề cao và dày dặn kinh nghiệm, sở hữu chuỗi công nghệ thổi và ép phun.

Nhựa Đồng Nai cho đến 31/12/2015 mới sở hữu công nghệ thổi (bao bì mềm) và đùn (ống), mà chưa có công nghệ ép phun. Gặp khó khăn trong việc phát triển phụ kiện ống ép phun uPVC và PPR

Đầu tư và hợp tác với Nhựa Tân Phú sẽ giúp 2 bên bổ sung và hoàn thiện lẫn nhau để sở hữu đầy đủ chuỗi công nghệ nhựa từ thổi, đùn đến ép phun, cùng phát triển sản phẩm phụ kiện ép phun uPVC và PPR, gia tăng thị phần.

Nội tại, TPP là doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, dòng tiền tốt.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Trong năm 2016, DNP Corp đã đầu tư 71,9% cổ phần của TPP.

Cùng với quá trình tham gia tái cơ cấu và tiềm năng nội tại, năm 2016, TPP đóng góp doanh thu 501 tỷ và lợi nhuận trước thuế 21 tỷ



ĐẦU TƯ CHI PHỐI CÔNG TY CP NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG TÂM

LÝ DO THỰC HIỆN

Nhà máy nước Đồng Tâm là nhà máy nước sạch tập trung, sản xuất và cung cấp nước sạch sinh hoạt cho thành phố Mỹ Tho. Công suất thiết kế lên đến 90.000 m³/ngày đêm. Cho đến 2016, Nhà máy Đồng Tâm chỉ phát nước thực tế bình quân 25.000 m³/ngày do sản lượng tiêu thụ kém, lỗ liên tục trong 5 năm liên tiếp.

BOO Đồng Tâm là nhà máy được đầu tư hiện đại bậc nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu long, hạ tầng tuyến ống và trạm xử lý (18 ha) sẵn sàng cho việc tăng công suất lên 90.000 m³/ngày.

Việc lỗ liên tục trong nhiều năm tạo sức ép thoái vốn lên Nhà đầu tư hiện hữu. DNP Corp nhận diện cơ hội tăng trưởng sản lượng cao, với thị trường tiêu thụ lớn của đô thị TP Mỹ Tho và vùng cận đô thị, dư địa tăng công suất lớn, và mang lại hiệu quả trong trung dài hạn.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Quý IV/2016 Đồng Tâm bắt đầu được hợp nhất với doanh thu 16,8 tỷ và lỗ sau thuế 9 tỷ.

Quý I/2017, sản lượng tiêu thụ đã tăng lên 45.000 m³/ngày và bắt đầu đạt điểm hòa vốn.

Với việc khách hàng đã đầu tư, hòa mạng tuyến ống phân phối cấp 3 trong năm 2016, đơn đặt hàng tiêu thụ nước cho Đồng Tâm tăng lên 55.000 m³/ngày trong Quý II/2017. Với sản lượng tăng trưởng khả thi, năm 2017 sẽ là năm đầu tiên Đồng Tâm đạt điểm hòa vốn sau 5 năm hoạt động và bắt đầu có lãi.

ĐẦU TƯ NÂNG CẤP HẠ TẦNG NHÀ XƯỞNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CỦA NHỰA TÂN PHÚ

LÝ DO THỰC HIỆN

Do lịch sử để lại, một thời gian dài Nhựa Tân Phú không được đầu tư nâng cấp thiết bị, công nghệ. Một số khách hàng khó tính, yêu cầu tiêu chuẩn cao đã giảm hoặc dừng đơn hàng do thiết bị công nghệ và môi trường lao động, Vệ sinh an toàn thực phẩm không đảm bảo.

Các thiết bị cũ bị lỗi thời về công nghệ, tiêu hao điện năng, nhân công, hiệu quả không cao.

Ban điều hành mới của Nhựa Tân Phú đã trình phương án nâng cấp hạ tầng nhà xưởng, máy móc thiết bị nhập khẩu từ Đức, Nhật Bản để đạt tiêu chuẩn quản trị mới cao hơn (như tiêu chuẩn Y tế GMP, an toàn thực phẩm HACCP), thỏa mãn yêu cầu khắt khe của khách hàng lớn và tiêu chuẩn cao.

Tổng kinh phí đầu tư là 150 tỷ

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Đến 31/12/2016, hạ tầng nhà xưởng và điều kiện lao động đã tiêu chuẩn GMP, HACCP như kế hoạch.

Xưởng khuôn mẫu chính xác được thành lập với máy móc cơ khí 100% của Nhật bản, đội ngũ kỹ sư là chuyên gia đầu ngành.

Các thiết bị sản xuất nhựa hiện đại theo công nghệ mới nhất được lắp ráp và vận hành thành công.

Kết quả chung, tỷ suất lợi nhuận tăng từ 2,5% lên 4%, sản phẩm và nhà máy đạt điều kiện tham gia vào chuỗi cung ứng của các hãng toàn cầu (Lavie, Nestle, CocaCola...) mở đường cho việc gia tăng sản lượng mạnh mẽ trong năm 2017.



ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM MỚI CỦA NHỰA ĐỒNG NAI

LÝ DO THỰC HIỆN

Nhựa Đồng Nai đã có thể mạnh là nhà sản xuất ống nhựa hạ tầng (ống lớn, hạ ngầm dưới mặt đất) hàng đầu Việt Nam. Đặc thù bán hàng qua kênh B2B, sản xuất theo đơn đặt hàng.

Trong khi, phân khúc ống xây dựng dân dụng (tòa nhà, khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch) lại yêu cầu sự đa dạng về sản phẩm (HDPE, uPVC, PPR) và đặc biệt là phụ kiện đấu nối phải đầy đủ và hàng tồn kho sẵn sàng.

Thị trường ống xây dựng dân dụng đang thống trị bởi Bình Minh (phía Nam, doanh thu 3.300 tỷ, lợi nhuận 627 tỷ), và Tiền Phong (phía Bắc, doanh thu 4.300 tỷ, lợi nhuận 390 tỷ) là thị trường quy mô lớn, tỷ suất lợi nhuận cao. Hạ tầng đô thị Việt Nam còn thấp, cần đến 20-30 năm phát triển để tương đương với Singapore, Thượng Hải. Trong tổng thể đó, chu kỳ ngắn của Bất động sản Việt nam tăng nóng 2016, tăng chậm dần 2017-2018 và dự kiến điều chỉnh vào 2019-2020.

Tham gia thị trường ống xây dựng dân dụng theo đó cơ hội lớn. Nhựa Đồng Nai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển sản phẩm mới - ống & phụ kiện xây dựng dân dụng (uPVC, PPR) với quy mô giai đoạn 1 là 80 tỷ.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Đến cuối 2016, thiết bị sản xuất ống & phụ kiện uPVC đã được lắp ráp và bắt đầu quá trình sản xuất xuất mẫu. Với kinh nghiệm sẵn có và đội ngũ chuyên môn tay nghề trong ngành ống nhựa, thiết bị công nghệ hiện đại của G7, nhập khẩu từ các hãng sản xuất hàng đầu thế giới từ Đức (Krauss Maffei, Bettenfeld-Cicinnati), sản phẩm Nhựa Đồng Nai đã nhanh chóng vượt qua các điều kiện thử nghiệm để hợp chuẩn tiêu chuẩn sản xuất quốc tế BS và ISO. Quý I/2017, sản phẩm đã chính thức xuất hiện trên thị trường và được khách hàng đánh giá rất cao về chất lượng, ngoại quan, thiết kế tinh xảo. Đặt nền tảng vững chắc cho việc phát triển kinh doanh.



3.3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT		THAY ĐỔI
	31/12/2015	31/12/2016	
Tổng tài sản	717	2.518	251%
Vốn chủ sở hữu	266	555	109%
Doanh thu thuần	96	53	61%
Lãi hoạt động tài chính	86	45	133%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.882	4.266	81%
Lợi nhuận khác	2	7	290%
Lợi nhuận trước thuế	62	115	87%
Lợi nhuận sau thuế	53	96	81%
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	45	86	91%

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT		TĂNG/GIẢM
	31/12/2015	31/12/2016	
Nợ phải trả	451	1.964	336%
Nợ ngắn hạn	426	875	105%
Phải trả người bán ngắn hạn	23	70	202%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8	8	1%
Thuế các khoản phải nộp Nhà nước	3	7	138%
Phải trả người lao động	6	20	239%
Chi phí phải trả ngắn hạn	2	7	296%
Phải trả ngắn hạn khác	4	9	153%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	377	752	99%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1	-	-100%
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3	3	-6%
Nợ dài hạn	25	1.089	4277%
Vốn chủ sở hữu	266	555	109%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	37	121	227%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	717	2.518	251%

> CƠ CẤU TÀI SẢN

CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT		TĂNG/GIẢM
	31/12/2015	31/12/2016	
TÀI SẢN NGẮN HẠN	491	898	83%
Tiền và các khoản tương đương tiền	118	155	31%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20	20	-4%
Các khoản phải thu ngắn hạn	239	385	61%
Hàng tồn kho	111	305	176%
Tài sản ngắn hạn khác	4	33	795%
TÀI SẢN DÀI HẠN	226	1.620	618%
Các khoản phải thu dài hạn	4	14	301%
Tài sản cố định	135	1.198	786%
Tài sản dở dang dài hạn	11	68	506%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	46	144	211%
Lợi thế thương mại	23	187	696%
Tài sản dài hạn khác	6	10	64%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	717	2.518	251%

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Tổng tài sản tăng từ 1.800 tỷ chủ yếu từ việc hợp nhất nhà máy nước Đồng Tâm và Nhựa Tân Phú. Đồng thời, việc hợp nhất 2 đơn vị thành viên này cũng dẫn đến việc hệ số nợ tăng mạnh (tăng từ 1,6 lần lên 3,5 lần) với việc tổng nợ phải trả tăng 1.500 tỷ từ 450 tỷ lên 1.960 tỷ.

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức cho phép ($\rightarrow 1$ lần), nhưng bị hạn chế về khả năng đầu tư, tăng trưởng. Nguyên nhân do việc một phần nguồn lực từ dòng tiền hoạt động (EBITDA) được ứng trước cho hoạt động M&A. Để cải thiện khả năng thanh toán và tăng giới hạn cho đầu tư, DNP Corp có phương án tăng án tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 500 tỷ trong năm 2017.

> CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT		
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
1. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,11	1,15	1,03
Hệ số thanh toán nhanh	0,06	0,32	0,20
2. CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số nợ/ tổng tài sản	0,73	0,63	0,78
Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	2,75	1,69	3,54
3. CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho	6,13	7,14	5,39
Vòng quay hàng phải thu	3,80	3,80	3,78
Doanh thu thuần/ tổng tài sản	1,43	1,26	0,58
4. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Doanh thu thuần	4%	6%	7%
Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu	21%	17%	6%
Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Tổng tài sản	5%	7%	14%
Hệ số lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/ Doanh thu thuần	5%	7%	7%
Thu nhập trên cổ phần EPS	2.645	4.266	3.881

Chất lượng tài sản tốt, với vòng quay vốn lưu động tối ưu trong đặc thù của lĩnh vực, trong đó vòng quay hàng tồn kho là 5 lần / năm, vòng quay phải thu là 3,8 lần / năm.

Năm 2016, DNP Corp đột biến về quy mô tài sản (từ 710 tỷ lên 2.500 tỷ) và vốn điều lệ từ 135 tỷ lên 300 tỷ, EPS có suy giảm là kết quả tất yếu trong chu kỳ đầu của M&A (Tân Phú và Đồng Tâm) trong năm 2016) nhưng vẫn ở mức cao 3.800 VNĐ/cp. Đây là 2 tài sản rất tiềm năng, mang lại lợi nhuận tốt trong trung và dài hạn (xem chi tiết phân tích đầu tư).



**4.
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2017**

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016	% so với thực hiện 2016
1	Sản lượng				
1.1	Bao bì	Tấn	9,250	9,200	101%
1.2	Ống nhựa hạ tầng	Tấn	11,500	10,400	111%
1.3	Ống nhựa dân dụng M&E	Tấn	4,845	-	
1.4	Nước sạch (*)	M3/ngày	90,000	65,000	138%
1.5	Nhựa công nghiệp	Tr. VNĐ	723,000	501,000	144%
2	Doanh thu thuần	Tr. VNĐ	2,050,000	1,457,205	141%
2.1	Bao bì	Tr. VNĐ	336,000	309,028	109%
2.2	Ống nhựa hạ tầng	Tr. VNĐ	636,200	578,755	110%
2.3	Ống nhựa dân dụng M&E	Tr. VNĐ	172,640	-	
2.4	Nước sạch	Tr. VNĐ	182,160	68,116	267%
2.5	Nhựa công nghiệp	Tr. VNĐ	723,000	501,306	144%
3	Lợi nhuận sau thuế (của cổ đông công ty mẹ)	Tr. VNĐ	120,813	86,394	140%
4	Tỷ suất lãi ròng	%	5.9%	5.9%	99%

(*) Sản lượng nước sạch tính doanh thu.

ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2017:

Bao bì xuất khẩu: Kế hoạch doanh thu bao bì tăng nhẹ 9% dựa trên nền tảng sản lượng cao và ổn định, tăng hiệu quả sản xuất của nhà máy, quản trị chi phí.

Ống nhựa hạ tầng: Kế hoạch doanh thu tăng trưởng nhẹ 10% theo tăng trưởng chung của ngành và xây dựng thêm thị trường mới.

Ống nhựa dân dụng M&E: Hoàn thiện đầu tư thiết bị sản xuất, sản phẩm và bán ra thị trường, đặt mục tiêu doanh thu năm đầu tiên là 172 tỷ.

Nước sạch: Doanh thu nước sạch kế hoạch sẽ tăng trưởng mạnh thông qua việc tăng sức tiêu thụ của nhà máy nước Đồng Tâm.

Nhựa công nghiệp: Đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng căn bản hoàn thiện trong năm 2016 và nửa đầu 2017, theo kế hoạch, sẽ mang lại tăng trưởng về doanh thu 44 %.

Lợi nhuận chung kế hoạch duy biên lợi nhuận thuần 5,9% và kế hoạch lợi nhuận cả năm 120 tỷ.

2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017

KINH DOANH BAO BÌ

Duy trì sản lượng liên tục ở mức cao trên 850-900 tấn/tháng, chiếm 90% công suất thiết kế trên cơ sở khai thác tối ưu danh mục khách hàng truyền thống và ổn định. Tăng hiệu quả quản trị sản xuất (giảm tỷ lệ phế, tiêu thụ điện, năng suất lao động). Tăng lợi nhuận biên bao bì lên 4% trước thuế. Năm 2017 tiến hành nghiên cứu sản phẩm mới cho phân khúc thị trường Nhật, Mỹ, Úc.

TÀI CHÍNH

Tăng cường thu hồi nợ xấu cũ của 2015, đồng thời quản lý chất lượng nợ phải thu (phân loại, xếp hạng và cấp tín dụng công nợ khách hàng, quy trình thu hồi công nợ chặt chẽ). Tăng quay vòng vốn lưu động để giảm lãi vay bằng việc áp dụng hàng tồn kho tối ưu (JIT: Just in time). Sử dụng nguồn tiền doanh thu USD từ xuất khẩu bao bì linh hoạt để quản trị rủi ro lãi suất, tỷ giá.

KINH DOANH ỐNG NHỰA

Khẳng định vị thế số 1 thị trường ống hạ tầng, với trọng tâm ưu tiên khách hàng công ty cấp thoát nước, dự án có nguồn vốn tốt và chắc chắn. Triển khai tiếp thị và mở bán nhóm sản phẩm ống nhựa xây dựng dân dụng, M&E (nhà cao tầng, khu đô thị, dân cư, khu du lịch, dịch vụ), đầu tư đội ngũ nhân sự cao cấp cho mảng B2B, ký hợp tác với nhà phân phối, đại lý cho việc phát triển kênh phân phối bán lẻ, đại lý, cửa hàng.

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NHẦM

Đầu tư nhà máy nước mới, đầu tư thiết bị sản xuất nâng công suất nhà máy ống nhựa dân dụng M&E (PVC, PPR).

ĐẦU TƯ NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH

Khởi công và triển khai xây dựng 2 nhà máy nước sạch: DNP-Long An và DNP-Bắc Giang với công suất mỗi nhà máy 60.000m³/ngày đêm. Dự kiến hoàn thành và phát nước trong năm 2018. Tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư các nhà máy nước.

KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT

Tuyển dụng nhân sự cao cấp và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và nước sạch để triển khai mô hình quản trị tiến tiến, tăng cường giải pháp công nghệ, tự động hóa và nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí.



5. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, cùng với ban TGĐ thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng để liên quan đến sự phát triển và chiến lược chung của CTCP Nhựa Đồng Nai. Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời đưa ra các giải pháp để tăng hiệu quả đầu tư và giám sát thực hiện của ban điều hành.

Từ năm 2016, CTCP Nhựa Đồng Nai cấu trúc lại cơ cấu tổ chức theo mô hình Công ty đầu tư ("investment holding"), trong đó thực hiện mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh thông qua việc mua chi phối các công ty trong các lĩnh vực trọng tâm là sản xuất nhựa và nước sạch cũng như đầu tư thêm và phát triển các dự án xây dựng mới trong các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty. Đến cuối năm 2016, CTCP

Công ty cũng đã thay đổi bộ nhận diện thương hiệu với logo mới, tên gọi mới "DNP Corp" thể hiện sự phát triển của Công ty trong thời gian tới theo mô hình tăng trưởng, hiện đại và minh bạch.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2016 theo NQ ĐHĐCĐ 2016:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	% thực hiện kế hoạch
1	Doanh thu	Tr. VNĐ	1.457.205	1.622.352	89,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. VNĐ	86.349	75.301	115%
3	Tỷ lệ cổ tức (của năm 2015 thực hiện trong năm 2016)	%	22%	22%	100%
4	Tỷ lệ cổ tức 2016 (dự kiến)	%	24%	16%	150%
5	Vốn điều lệ	Tr. VNĐ	300.005	300.005	100%

Tuy doanh thu không đạt kế hoạch do (1) ảnh hưởng từ sản lượng tiêu thụ ống hạ tầng cho một số dự án lùi lại thực hiện trong năm 2017, và (2) chưa có đóng góp từ mảng ống dân dụng như kế hoạch; nhưng lợi nhuận vượt kế hoạch do hiệu quả sản xuất kinh doanh từ mảng nhựa cao hơn dự kiến nhờ giá đầu vào giảm và chạm đáy trong năm 2016.

Nhựa Đồng Nai đã hoàn thành việc mua chi phối 71,89% CTCP Nhựa Tân Phú, và 52,68% CTCP nhà máy nước Đồng Tâm, hoàn thiện thủ tục và thực hiện các bước triển khai ban đầu với các dự án nhà máy nước DNP- Bắc Giang, DNP-Long An với tổng quy mô công suất phát nước dự kiến 120.000 m³/ngày đêm. Trong năm 2016, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyên nghiệp, xây dựng và phát triển thị trường mới ... và đã đạt được kết quả bước đầu khả quan.

Trong năm 2016, CTCP Nhựa Đồng Nai cũng đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng, củng cố nguồn tài chính cho các hoạt động đầu tư và phát triển các mảng sản xuất kinh doanh trọng yếu của công ty.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

Để đạt mục tiêu và định hướng phát triển theo mô hình công ty đầu tư, HĐQT trong năm 2017 sẽ tiếp tục sát sao cùng Ban Điều hành thực hiện các hoạt động:



Củng cố hoạt động của các đơn vị thành viên, tiếp tục thực hiện đầu tư phát triển bao gồm: đầu tư máy móc thiết bị, đầu tư phát triển nhân sự, đầu tư phát triển thị trường



Triển khai thực hiện các dự án xây dựng nhà máy nước sạch DNP- Bắc Giang và DNP- Long An



Thực hiện các hoạt động M&A các công ty có tiềm năng trong mảng nước sạch

1. Các chỉ tiêu cơ bản

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	% tăng trưởng
1	Doanh thu	Tr. VNĐ	1.457.205	2.050.000	40,7%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. VNĐ	86.349	120.813	39,9%
3	Tỷ lệ cổ tức 2016	%	24%	24%	0%
4	Vốn điều lệ	Tr. VNĐ	300.005	500.000	67%

2. Giải pháp thực hiện

- Tổ chức bộ máy và hoàn thiện mô hình quản trị theo mô hình công ty đầu tư
- Xây dựng và tuyển dụng đội ngũ nhân sự quản lý, kinh doanh, kỹ thuật trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty
- Hoàn thiện và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn chất lượng theo mô hình quản trị của Nhật Bản và các nước tiên tiến.
- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư tại tất cả các mảng: máy móc thiết bị cho các đơn vị sản xuất nhằm tăng năng suất và chất lượng, đầu tư xây dựng cho các dự án, và đầu tư với tư cách cổ đông chiến lược vào các công ty trong ngành nước tiềm năng.



A close-up photograph of two business professionals in an office setting. One person, wearing a blue suit, is holding a white tablet. The other person, wearing a grey suit, is holding a silver pen and pointing at the tablet. In the foreground, there is a glass of water and some papers with a colorful bar chart. The background is slightly blurred, showing a computer keyboard and a window.

6.
**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ
HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Căn cứ vào quy định của Luật doanh nghiệp, và Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2016 và xin báo cáo kết quả như sau:

1. Hoạt động giám sát Hội đồng quản trị trong việc quản lý Công ty

Trong năm 2016 HĐQT 24 cuộc họp và ban hành 25 nghị quyết, quyết định để thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đã thông qua. Theo đánh giá của Ban kiểm soát, các quyết định của HĐQT là phù hợp với chủ trương, định hướng về chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã quyết định thông qua. Tuy tồn tại một số chỉ tiêu chưa thực hiện được so với kế hoạch đề ra (cụ thể là doanh thu), nhưng về những chỉ tiêu cốt lõi về lợi nhuận sau thuế hoặc phát triển quy mô của Công ty trong năm 2016 đều đã đạt được và vượt mức kế hoạch, cụ thể:

- Năm 2016 Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng;
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt 1.457 tỷ đồng doanh thu, đạt 90% so với kế hoạch là 1.622 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt: 86 tỷ đồng, đạt 115% so với kế hoạch là 75 tỷ đồng (số liệu được làm tròn, số liệu chính xác đề nghị quý cổ đông xem tại báo cáo tài chính).
- Trong năm 2016, Công ty đã đầu tư vào 04 doanh nghiệp trong nước, nhằm đa dạng hóa sản phẩm ngành nhựa và mở rộng sang lĩnh vực cung cấp nước đó là:
 - Đầu tư và nắm giữ 71,89 % cổ phần Công ty CP Nhựa Tân Phú;
 - Đầu tư và nắm giữ 52,7% cổ phần Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm Tiền Giang.
 - Góp vốn đầu tư mới 70% cổ phần Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP Tiền Giang;
 - Góp vốn đầu tư mới 51% cổ phần Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Nước DNP-Bắc Giang; (số liệu tính đến ngày 31/12/2016)
- Nội dung lưu ý: BKS lưu ý HĐQT về việc mở rộng quy mô đầu tư sang các doanh nghiệp khác với tỷ lệ chi phối cần có một cơ chế quản lý phù hợp. Theo đánh giá của BKS hiện nay Công ty thiếu hụt nhân sự cao cấp có trình độ, kinh nghiệm cho việc quản lý hệ thống Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty thành viên.

2. Hoạt động giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty

Nhìn chung, hoạt động của BGD trong năm 2016 đi sát với các chủ trương kế hoạch được ĐHĐCĐ 2016 thông qua, chúng tôi đánh giá BGD đã có những nỗ lực đáng biểu dương trong việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận sau thuế mà ĐHĐCĐ thường niên 2016 đề ra. Tuy nhiên, ngoài những nội dung đã làm được trong năm 2016, BKS lưu ý BGD: một số nội dung như sau:

- Nội dung lưu ý:

(1) Ban TGD cần có phương án phù hợp hơn nhằm thu hồi công nợ xấu, tuy năm 2016 không phát sinh thêm nợ xấu đây là một kết quả rất đáng biểu dương, tuy nhiên việc thu hồi công nợ xấu phát sinh từ năm 2015 trở về trước đạt kết quả không cao.

(2) Biến động nhân sự là lao động trực tiếp tại các phân xưởng vẫn ở mức cao, đề nghị BGD nghiên cứu và đề xuất phương án, chế độ sử dụng lao động có khả năng cạnh tranh với thị trường lao động nhằm tránh việc xáo trộn nhân sự tạo tiền đề cho việc ổn định SXKD.

3. Hoạt động Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, được kiểm toán theo đúng quy định của Đại hội đồng cổ đông cũng như quy định của pháp luật. Ban kiểm soát đồng ý với nội dung báo cáo tài chính.

4. Hoạt động giám sát việc tuân thủ pháp luật của Công ty

- BKS không phát hiện thấy các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự trong Công ty có hành vi vi phạm pháp luật trong năm 2016.
- Trong năm 2016 hoạt động công bố thông tin của Công ty được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

5. Kết luận

Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2016, BKS có kết luận như sau:

5.1 Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty trong năm 2016. Hoạt động của Công ty ổn định và đáp ứng được các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.

5.2 Trong thời gian tới Công ty cần lưu ý trong việc xây dựng hệ thống quản lý và hệ thống nhân sự để phù hợp với quy mô hiện tại cũng như xu hướng phát triển của mình.



7. QUẢN TRỊ CÔNG TY

7.1. Cơ cấu cổ đông

Cổ phiếu của CTCP Nhựa Đồng Nai (DNP Corp) được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch DNP.

Đến ngày 29/3/2017, Vốn điều lệ của DNP là 300.056.240.000 VNĐ được chia thành 30.005.624 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phiếu Quý: 10 CỔ PHIẾU
Giao dịch cổ phiếu quý trong năm: KHÔNG CÓ

	Số lượng CP nắm giữ	% sở hữu
Cổ đông nhà nước	0	0
1. TRONG NƯỚC	28,978,487	96.6%
a. Cá nhân	26,331,025	87.8%
b. Tổ chức	2,647,462	8.8%
2. NƯỚC NGOÀI	1,027,127	3.4%
a. Cá nhân	708,377	2.4%
b. Tổ chức	318,750	1.1%
3. CỔ PHIẾU QUỸ	10	0.0%
TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	30,005,624	100%

CỔ ĐÔNG LỚN	Số lượng CP nắm giữ	% sở hữu
Lê Tuấn Điệp	5,689,000	19.0%
Vũ Đình Độ	2,676,689	8.9%
Phạm Quốc Khánh	2,228,629	7.4%
Hoàng Anh Tuấn	1,994,011	6.6%
Công ty cổ phần Đầu tư VSD	1,699,593	5.7%
Vũ Ngọc Tú	1,674,459	5.6%
TỔNG	15,962,381	53.2%

Sở hữu của Ban lãnh đạo	Số lượng CP nắm giữ	% sở hữu	Chức vụ
Vũ Đình Độ	2,938,289	9.8%	Chủ tịch
Ngô Đức Vũ	66,800	0.2%	TGD/Thành viên HĐQT
Trần Hữu Chuyên	479,666	1.6%	PTGD /Phó Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Văn Hiếu	41,400	0.1%	PTGD/Thành viên HĐQT
Hoàng Anh Tuấn	1,994,011	6.6%	Kế toán trưởng
TỔNG	5,520,166	18.4%	

7.2 . Cơ cấu nhân sự

Danh sách Hội đồng quản trị

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ngày được bổ nhiệm
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	6/4/2015
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó chủ tịch	4/5/2014
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	7/3/2016
Ông Phạm Huy Cường	Thành viên	4/4/2015
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	4/5/2013

Danh sách Ban kiểm soát

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ngày được bổ nhiệm
Ông Mai Hữu Đạt	Trưởng ban	30/6/2012
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	4/4/2015
Ông Phùng Quang Việt	Thành viên	4/4/2015



Danh sách ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ trong ban điều hành	Chức năng nhiệm vụ
Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám đốc	Quản trị chung, xây dựng chiến lược đầu tư. Trực tiếp quản lý Nhựa Tân Phú
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó TGD	Phụ trách kỹ thuật, sản xuất và công nghệ hóa nhựa
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	Điều hành tài chính, nhân sự, hoạt động chung. Trực tiếp quản lý Nhựa Đồng Nai
Bà Phan Thị Thu Thảo	Giám đốc đầu tư	Phụ trách Hội đồng đầu tư, phân tích và nghiên cứu, chiến lược đầu tư chung của DNP Corp. Quản lý vốn các công ty thành viên
Ông Nguyễn Danh Hiếu	Giám đốc IT	Phát triển công nghệ thông tin cho toàn bộ hệ thống của DNP Corp

Ban điều hành đơn vị thành viên:

Họ và tên	Đơn vị thành viên	Chức vụ tại đơn vị thành viên	Chức năng nhiệm vụ
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Nhựa Đồng Nai	PTGD CEO ngành nhựa	Điều hành trực tiếp Nhựa Đồng Nai, phát triển thị trường cho các sản phẩm Nhựa Đồng Nai
Ông Trần Hữu Chuyên	Nhựa Đồng Nai	Phó TGD	Thường trực và phụ trách khối kỹ thuật sản xuất
Ông Trịnh Kiên	Nhựa Đồng Nai	GD kinh doanh	Phát triển kinh doanh ống hạ tầng
Ông Nguyễn Hải Hà	Nhựa Đồng Nai	GD kinh doanh	Phát triển kinh doanh nhựa dân dụng, xây dựng và tổ chức marketing cho các sản phẩm của Nhựa Đồng Nai
Ông Lê Viết Hùng	Nhựa Tân Phú	TGD	Điều hành chung Nhựa Tân Phú
Ông Ngô Đức Trung	Nhựa Tân Phú	PTGD	Phụ trách kỹ thuật và sản xuất các sản phẩm thương hiệu Nhựa Tân Phú
Ông Bùi Bình Bang	Nhựa Tân Phú	GD kinh doanh	Phát triển thị trường các sản phẩm thương hiệu Nhựa Tân Phú
Ông Hideaki Tanaka	Ngành nước	PTGD DNP ngành nước	Quản lý triển khai đầu tư trong ngành nước, xây dựng và chuyển giao công nghệ/quản trị Nhật Bản vào Ngành nước

7.3. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS năm 2016:

STT	Nội dung	Số lượng	Tổng thù lao
1	Hội đồng quản trị	5	336,000,000
2	Ban kiểm soát	3	168,200,000
3	Tổng	8	504,200,000

Trong đó mức thù lao chi tiết như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 7 triệu đồng/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT: 6 triệu đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 5 triệu đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 6 triệu đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 4 triệu đồng/tháng





8.
NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Ông VŨ ĐÌNH ĐỘ
Chủ tịch HĐQT DNP Corp

Ông có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng trong các lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, kế toán-kiểm toán, quản trị doanh nghiệp và quản trị đầu tư. Trước khi gia nhập DNP, Ông có gần 3 năm làm kiểm toán viên tại KPMG Việt Nam và 1 năm làm việc tại KPMG Singapore. Từ năm 2007 đến năm 2011, Ông trải qua các vị trí cấp cao về phân tích đầu tư, đầu tư, thị trường vốn, M&A và công cụ phái sinh tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn, CTCP Chứng khoán VN-Direct và Maritime Bank.

Bên cạnh công việc chính tại DNP, Ông đang giữ các trọng trách khác như là chủ tịch HĐQT của CTCP Thủy Điện Nậm La, chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung và là thành viên HĐQT CTCP Bình Hiệp.



Ông TRẦN HỮU CHUYỀN
Phó Tổng giám đốc/
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông đã từng giữ chức vụ Phó Giám Đốc Xí nghiệp, Tổng Giám Đốc DNP. Ông đã làm việc cho DNP hơn 30 năm, có kinh nghiệm chuyên sâu về ngành Nhựa. Hiện tại ông giữ Chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Sản xuất Ống Nhựa.



Ông TRẦN ANH VƯƠNG
Thành viên HĐQT

Ông Vương tham gia thành viên HĐQT của CTCP Nhựa Đồng Nai từ năm 2016. Ông đã và đang giữ nhiều trọng trách tại các doanh nghiệp lớn: Ông hiện là TGD CTCP Đầu tư và Phát triển Sacom, Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam, Chủ tịch CTCP Thép Bắc Việt-BVG. Với năng lực quản lý, kinh nghiệm kinh doanh và quan hệ cộng đồng rộng rãi, Ông đã đóng góp to lớn trong việc phát triển các quan hệ chiến lược



Ông NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng giám đốc/Thành viên
HĐQT DNP Corp

Ông có bằng Thạc sỹ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCPEAP (Pháp), Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan.

Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Đầu tư Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty Nhựa Đồng Nai Miền Trung, Phó TGD thường trực Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

Hiện tại ông giữ Chức vụ TGD Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Tân Phú, một thành viên của DNP Corp



Ông HIEDI TANAKA
Phó Giám đốc điều hành
DNP-water

Ông đã có kinh nghiệm 40 năm quản lý, điều hành trong các tập đoàn lớn của Nhật Bản (Kobe, Kobelco) trong đó có giữ những vị trí giám đốc điều hành của các công ty thành viên thuộc tập đoàn tại các nước Mỹ, Việt Nam, Nhật Bản, Nigeria, Bangladesh.

Hiện nay, sau khi nghỉ hưu tại Kobelco Nhật Bản, Ông tham gia DNP-Water với vị trí Phó Giám đốc điều hành DNP-water với vai trò tổ chức xây dựng đội ngũ chuyên gia Nhật Bản cho DNP Corp, chuyển giao kinh nghiệm quản trị/công nghệ của Nhật Bản vào các nhà máy nước của DNP-water, đồng thời kết nối đội ngũ chuyên gia về công nghệ xử lý nước của Nhật Bản với vận hành của DNP-water.



Ông NGUYỄN VĂN HIẾU
Thành viên HĐQT
Phó Tổng giám đốc DNP Corp

Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 2004, có 3 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán quốc tế và 5 năm làm Giám đốc Tài chính cấp tập đoàn tại T&C Holding (quy mô doanh thu 2.500 tỷ, vốn điều lệ 500 tỷ, thành viên sáng lập hãng hàng không VietJetAir, quản lý vốn và tài chính Công ty Máy thiết bị Komatsu Việt Nam, Honda Ô to Cộng Hòa và các đơn vị thành viên)

Ông đã tham gia DNP từ năm 2012, qua các vị trí quan trọng trong quá trình tái cấu trúc của DNP Corp như Giám đốc Kinh doanh (2013), Phó Tổng Giám đốc kinh doanh (2015), Phó tổng giám đốc điều hành (10/2015). Ông có nhiều đóng góp cụ thể cho tăng trưởng của công ty 5 năm qua như phát triển và định vị kinh doanh mảng ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam, cơ cấu nguồn tài chính ổn định phục vụ tăng trưởng doanh số hơn 50% / năm liên tục 5 năm qua và tái cấu trúc nguồn cho hoạt động M&A của DNP Corp.

Ông có chuyên môn, kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực tài chính, và năng lực phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường.



Bà PHAN THỊ THU THẢO
Giám đốc Đầu tư DNP Corp

Với hơn 12 năm kinh nghiệm làm việc đầu tư và kiểm toán tại Công ty VietFund Management và KPMG Viet Nam, Bà có hiểu biết sâu rộng trong các lĩnh vực xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý đầu tư, phân tích dự báo về thị trường, tài chính, và các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam để đưa ra kế hoạch và triển khai đầu tư hiệu quả.

Hiện tại, Bà giữ chức vụ Giám đốc Đầu tư DNP Corp, phụ trách quản trị đầu tư và giám sát hiệu quả chung của DNP Corp và các đơn vị thành viên, thiết lập và xây dựng tổ chức Văn phòng HĐQT trong quá trình cấu trúc DNP Corp theo mô hình Công ty Đầu tư (Investment holding), quản lý vốn các đơn vị thành viên.



Ông NGUYỄN DANH HIẾU
Giám đốc Công nghệ thông tin

Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong việc triển khai xây dựng kiến trúc, nền tảng phần mềm, hiện đại hoá hạ tầng Công nghệ thông tin, giải pháp ERP... Tại các đơn vị: FPT Trading, CTCP Thông tin Hapro, FPT software...

Gia nhập DNP Corp, vai trò của Ông là tổ chức xây dựng hệ thống công nghệ thông tin trong quản trị của DNP Corp, trong đó có quản trị hệ thống SCADA, hệ thống theo dõi hiệu quả vận hành các nhà máy nước, xây dựng và áp dụng công nghệ thông tin trong vận hành nhà máy, áp dụng và phát triển các ứng dụng trên máy tính/điện thoại trong việc phát triển thị trường mới và quản trị tập trung, tăng tính tự động hoá trong xử lý dữ liệu và vận hành.



Bà TRẦN MINH TRANG
Trưởng phòng KSNB

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh doanh và quản lý.

Bà có chuyên môn và kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán-kiểm toán và vận hành doanh nghiệp. Trước khi gia nhập DNP, Bà đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm công việc kế toán và hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực: tài chính, xuất nhập khẩu, y tế, thương mại và sản xuất. Từ năm 2006 đến năm 2016, Bà trải qua các vị trí Trưởng phòng, Kế toán trưởng tại: Công ty xuất nhập khẩu VNS, Công ty TNHH Tài chính MTV Công nghiệp tàu thủy, Công ty CP Hỗ trợ dịch vụ thanh toán Việt Phú.

Bên cạnh công việc chính tại DNP, Bà đang giữ trọng trách Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Tân Phú.



Ông LÊ VIẾT HÙNG
TGD, Thành viên HĐQT
Công ty CP nhựa Tân Phú

Ông tốt nghiệp Học Viện Tài chính Hà Nội năm 1994, ông cũng có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính ngân hàng.

Ông Hùng tham gia vào Công ty CP nhựa Tân Phú từ năm 2013 và giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty đến năm 2015. Hiện tại ông giữ Chức vụ TGD Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

Trước đây, Ông đã từng giữ các chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP xi măng Hà Tiên 2, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty xi măng Vicem Hải Phòng, Trưởng Chi nhánh Công ty CP đầu tư PV2 tại TP.HCM.



Ông NGÔ ĐỨC TRUNG
Phó TGD CTCP Nhựa Tân Phú

Ông Ngô Đức Trung tốt nghiệp chuyên ngành kỹ sư cơ khí-Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Ông Trung công tác tại TTP từ năm 1993 và trải qua các vị trí công tác: Kỹ sư cơ khí, Trưởng ngành cơ điện, Quản đốc xưởng cơ điện, Phó giám đốc năm 2003, Quyền giám đốc năm 2004, giữ chức vụ Thành viên HĐQT-Giám đốc NTP năm 2005 khi NTP thực hiện cổ phần hóa và chức vụ Tổng giám đốc-thành viên HĐQT từ 8/2008.

Từ năm 2015 ông Trung giữ chức vụ Phó tổng giám đốc TTP. Ông Trung có kiến thức và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kỹ thuật ngành nhựa và quản lý sản xuất, quản lý điều hành doanh nghiệp.

Hiện ông Trung là Phó chủ tịch HĐQT- Phó tổng giám đốc TPP, chịu trách nhiệm chính về mảng kỹ thuật, sản xuất, chất lượng và khuôn mẫu của Cty



9. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



“DNP Corp xác định NHÂN SỰ là động lực của tăng trưởng và phát triển, tạo ra sự khác biệt và sức cạnh tranh, nền tảng xây dựng doanh nghiệp trường tồn”



CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

DNP Corp dành ngân sách hàng năm lớn dành cho công tác đào tạo nhân lực, ước tính 2% lợi nhuận, thể hiện nỗ lực và quyết tâm đầu tư dài hạn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Trong năm 2016, các chương trình đào tạo được tổ chức cho CBCNV: (i) nâng cao ý thức, định hướng phát triển, sự gắn bó, thúc đẩy sự gắn bó của CBCNV thông qua Văn hóa doanh nghiệp, hệ thống giá trị cốt lõi của DNP Corp, (ii) liên tục cải thiện môi trường làm việc như 5S của Nhật Bản, (iii) nâng cao năng lực chuyên môn, tay nghề và hiệu quả thực hiện công việc góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty.

Kết quả cho thấy CBCNV được đào tạo đã bước đầu làm quen và chủ động trong mô hình sản xuất công nghiệp, sẵn sàng cho quá trình cơ khí hóa và hiện đại hóa sâu rộng hơn. Năng suất lao động ở các khối, ban, ngành được nâng cao.

Kết quả trên là bằng chứng và động lực thúc đẩy DNP Corp kiên định với chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Định hướng hoạt động đào tạo của DNP trong giai đoạn tới là tập trung đào tạo nâng cao nghiệp vụ, phát triển năng lực quản lý và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng được các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững, phục vụ tối ưu cho chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017-2021.

CÔNG TÁC LƯƠNG THƯỞNG, ESOP

Thực hiện chính sách thu hút và giữ nhân tài, DNP Corp thiết kế chính sách lương thưởng tương đương với doanh nghiệp ở Singapore cùng quy mô.

Chính sách này đã giúp DNP Corp thu hút được 1 lượng nhân sự cao cấp đầu ngành: nhân sự đầu tư từ VFM, Mekong Capital, nhân sự công nghệ nước sạch từ Kobelco Eco-Solution (Nhật bản), nhân sự IT từ FPT, nhân sự kinh doanh từ Nhựa Duy Tân...

Đồng thời, để giữ chân nhân tài và sự cống hiến, gắn bó bền vững, DNP Corp thực hiện chính sách ESOP (Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn) dành cho cán bộ chủ chốt. Chương trình này đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ hệ thống nhân sự và mang lại những kết quả rõ rệt về sức cống hiến và đóng góp của nhân sự được tin tưởng lựa chọn.

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI

Ngoài chế độ lương thưởng, DNP Corp thực hiện các chế độ đãi ngộ, phúc lợi như:

- Đối với cấp điều hành: được tham gia bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho chính mình và cả gia đình (vợ chồng và con ruột)
- Đối với cấp trưởng phòng; được tham gia bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho chính mình
- CBCNV: Ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc theo luật BHXH, DNP Corp mua bổ sung bảo hiểm thân thể ngay sau khi được ký kết HĐLĐ chính thức.
- CBNV được tổ chức tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, team-building định kỳ.
- Khen thưởng con em CBNV học giỏi và có thành tích xuất sắc, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp cho CBNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức tất niên, nghỉ mát, chế độ hưu trí, đào tạo nhân viên, duy trì các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội đoàn.

DNP Corp tuân thủ các quy định về lao động như: công đoàn cơ sở, thỏa ước Tập thể và Nội quy lao động, Quy chế ATLĐ, PCCC, môi trường làm việc theo chuẩn 5S của Nhật Bản.

CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN

DNP Corp đã xây dựng các chính sách thăng tiến và tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và bình đẳng để nhân viên có điều kiện phát huy tối đa năng lực chuyên môn đồng thời với việc nâng cao các kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí chức danh để phát triển toàn diện. Chính sách thăng tiến cởi mở, ưu tiên CBNV nội bộ công ty nếu CBNV có năng lực và đủ trình độ.

Công tác đánh giá và quy hoạch nhân sự kế nhiệm cũng được đặc biệt chú trọng, công tác kèm cặp, bồi dưỡng và phát hiện những nhân viên tiềm năng cũng được DNP Corp thực hiện theo một lộ trình cụ thể nhằm tạo ra cơ hội thăng tiến cho tất cả những nhân sự giỏi năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

10 . BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất E Thương mại E Dịch vụ

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.056.240.000 đồng (Ba trăm tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Dịch vụ du lịch;
- Đại lý bưu điện.

2. CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ngày được bổ nhiệm	Ngày được miễn nhiệm
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT		
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Lưu Thụy	Thành viên		7/03/2016
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	7/03/2016	
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên		
Ông Phạm Huy Cương	Thành viên		

Ban Tổng Giám đốc

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ngày được bổ nhiệm	Ngày được miễn nhiệm
Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Kim Nguyên	Phó Tổng Giám đốc		18/03/2016
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc		18/03/2016

Ban kiểm soát

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ngày được bổ nhiệm	Ngày được miễn nhiệm
Ông Mai Hữu Đạt	Trưởng ban		
Ông Phùng Quang Việt	Thành viên		
Ông Trịnh Kiên	Thành viên		

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ Đình Độ đã ủy quyền cho Ông Ngô Đức Vũ ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy bổ nhiệm số 04/NQ-NDN ngày 06 tháng 04 năm 2015.

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam E Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 72, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 25/02/2016.

ÔNG THẾ ĐỨC
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0855-2016-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

LÊ VIẾT CƯỜNG
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2478-2016-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		898.455.742.195	491.185.605.860
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	154.838.423.715	117.919.781.424
Tiền	111		132.642.385.258	98.886.448.090
Các khoản tương đương tiền	112		22.196.038.457	19.033.333.334
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	19.622.200.000	20.468.270.709
Chứng khoán kinh doanh	121		1.399.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(231.800.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.455.000.000	14.468.270.709
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		385.259.763.468	238.557.989.404
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	317.193.910.698	202.305.779.589
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	51.460.311.880	45.328.204.340
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	32.297.314.606	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	20.804.231.195	14.246.391.980
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(36.496.004.911)	(23.358.595.294)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	36.208.789
Hàng tồn kho	140	5.8	305.354.892.565	110.515.788.914
Hàng tồn kho	141		307.736.710.475	112.862.588.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.381.817.910)	(2.346.799.913)
Tài sản ngắn hạn khác	150		33.380.462.447	3.723.775.409
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	3.055.449.626	429.531.754
Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.331.229.140	2.360.796.368
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	4.993.783.681	933.447.287
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.620.012.661.415	225.639.858.642
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.258.104.132	3.554.542.402
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	14.258.104.132	3.554.542.402
Tài sản cố định	220		1.197.703.915.179	135.181.964.110
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.072.644.347.477	110.290.986.601
Nguyên giá	222		1.578.816.468.223	240.129.998.317
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(506.172.120.746)	(129.839.011.716)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	95.059.647.472	20.880.956.842
Nguyên giá	225		139.384.177.507	24.784.924.148
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(44.324.530.035)	(3.903.967.306)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	29.999.920.230	4.010.020.667
Nguyên giá	228		34.276.845.218	4.125.064.091
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.276.924.988)	(115.043.424)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	67.581.174.237	11.148.162.572
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		67.581.174.237	11.148.162.572
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	144.246.752.000	46.437.662.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	28.207.062.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		141.246.752.000	15.230.600.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.000.000.000	3.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		196.222.715.867	29.317.527.558
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	9.306.394.682	5.880.274.423
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		326.675.799	-
Lợi thế thương mại	269	5.14	186.589.645.386	23.437.253.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.518.468.403.610	716.825.464.502

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.963.758.746.032	450.841.272.946
Nợ ngắn hạn	310		874.784.665.857	425.964.421.940
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	69.522.175.440	22.991.638.166
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	7.912.260.634	7.862.756.725
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	6.912.817.991	2.904.062.886
Phải trả người lao động	314		19.668.827.679	5.797.540.068
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	6.543.956.407	1.652.088.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	9.200.297.706	3.632.406.030
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	751.879.335.041	377.029.470.505
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.22	-	753.899.710
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		3.144.994.959	3.340.559.535
Nợ dài hạn	330		1.088.974.080.175	24.876.851.006
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	316.668.910.279	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	743.502.770.578	24.876.851.006
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	28.802.399.318	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		554.709.657.578	265.984.191.556
Vốn chủ sở hữu	410	5.23	554.709.657.578	265.984.191.556
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.056.240.000	135.071.410.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.056.240.000	135.071.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.155.000.000	16.905.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		15.794.216.721	11.782.176.721
Cổ phiếu quỹ	415		(342.000)	(342.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.746.814.635	25.035.999.802
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.136.965.208	40.291.857.999
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.536.730.384	270.562.588
LNST chưa phân phối năm nay	421b		81.600.234.824	40.021.295.411
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		120.820.763.014	36.898.089.034
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.518.468.403.610	716.825.464.502

TRẦN THÁI SƠN

Người lập biểu

HOÀNG ANH TUẤN

Kế toán trưởng

NGÔ ĐỨC VŨ

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.457.205.085.950	905.862.072.037
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.502.017.744	2.018.870.403
Doanh thu thuần	10		1.454.703.068.206	903.843.201.634
Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.121.391.704.262	740.399.372.490
Lợi nhuận gộp	20		333.311.363.944	163.443.829.144
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	9.338.829.047	4.055.969.480
Chi phí tài chính	22	6.5	70.320.556.967	30.186.865.640
Trong đó: chi phí lãi vay	23		66.127.619.537	9.540.496.201
Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24	6.6	(3.385.529.434)	-
Chi phí bán hàng	25	6.7	47.063.462.203	24.802.557.295
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	114.109.353.980	52.837.446.930
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		107.771.290.407	59.672.928.759
Thu nhập khác	31	6.9	9.680.422.902	3.519.254.001
Chi phí khác	32	6.10	2.501.683.575	1.678.439.339
Lợi nhuận khác	40		7.178.739.327	1.840.814.662
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		114.950.029.734	61.513.743.421
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.11	19.943.167.183	8.254.148.305
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.12	(1.420.634.013)	92.100.643
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.427.496.564	53.167.494.473
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		86.349.755.611	45.058.404.272
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.077.740.953	8.109.090.201
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.13	3.881	4.243
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.14	3.881	4.243

TRẦN THÁI SƠN
Người lập biểu

HOÀNG ANH TUẤN
Kế toán trưởng

NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	114.950.029.734	61.513.743.421
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	84.942.262.312	24.637.340.274
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	11.324.211.761	15.337.341.854
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	663.559.447	6.713.114.020
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.150.430.662)	(1.788.210.142)
Chi phí lãi vay	06	66.127.619.537	21.152.374.024
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	267.857.252.129	127.565.703.451
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(44.329.559.613)	(23.542.396.781)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(124.302.703.397)	(13.755.030.825)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1.367.792.341)	(16.944.214.393)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(5.034.205.420)	(3.856.747.221)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	5.651.000.000	
Tiền lãi vay đã trả	14	(74.770.343.274)	(20.163.919.709)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.512.784.644)	(12.828.841.995)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.296.934.754)	(1.640.766.862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.106.071.314)	34.833.785.665
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(219.271.056.330)	(30.993.433.747)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	35.415.397.627	523.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(82.571.584.373)	(87.198.270.709)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	41.802.559.828	77.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(256.202.923.286)	(80.265.772.778)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	110.766.492.040	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.043.005.985	1.619.070.428
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(365.018.108.509)	(119.215.134.079)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	123.211.780.000	81.622.923.000
Tiền thu từ đi vay	33	1.543.447.221.973	859.813.866.501
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.225.092.784.769)	(736.468.929.182)
Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35	(33.088.296.931)	(9.594.633.749)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.731.770.960)	(1.805.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	404.746.149.313	193.567.776.570
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	36.621.969.490	109.186.428.156
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	117.919.781.424	8.709.757.845
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	296.672.801	23.595.423
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	154.838.423.715	117.919.781.424

TRẦN THÁI SƠN
Người lập biểu

HOÀNG ANH TUẤN
Kế toán trưởng

NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất E Thương mại E Dịch vụ.

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.056.240.000 đồng (Ba trăm tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất ống nhựa xây dựng, bao bì mềm xuất khẩu, nhựa công nghiệp và đầu tư ngành nước.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 04 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên sản phẩm vải, sợi dệt, may đan);
- Dịch vụ liên quan đến in
- Bán buôn máy móc thiết bị ngành in;
- Sản xuất diêm quẹt
- Sản xuất sản phẩm may mặc, xuất khẩu
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; Dịch vụ du lịch; Đại lý bưu điện.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã mua chi phối Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú với tỷ lệ sở hữu vốn là 66,87%, đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 ngày 19/3/2016. Sau đó, Công ty đã tiếp tục mua lại cổ phiếu của các cổ đông khác, nâng tỷ lệ sở hữu lên 71,89%, số lượng cổ phiếu nắm giữ là 4.744.169 cổ phiếu.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2016/NQ-DNP ngày 22/03/2016, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai thực hiện góp vốn đầu tư thành lập Công ty con E Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP E Tiền Giang với vốn điều lệ 21 tỷ đồng trong đó DNP sở hữu 70% vốn. Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP E Tiền Giang có trụ sở chính tại Tiền Giang được thành lập để thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang với tổng công suất 30.000 m³/ngày đêm để cung cấp nước sạch dân sinh thuộc địa bàn các huyện Cai Lậy, Cái Bè và thị xã Cai Lậy. Đến ngày 31/12/2016, Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã góp vốn 100.000.000 đồng.

Công ty cũng thực hiện việc mua chi phối Công ty Cổ phần B.O.O Nước Đồng Tâm với tỷ lệ sở hữu là 52,68% tương ứng 2.050.323 cổ phiếu và đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm. Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch tại tỉnh Tiền Giang.

1.6 Cấu trúc của Công ty

Các chi nhánh:

Tên chi nhánh	Địa chỉ	Hạch toán kế toán
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội	Tầng 10 E Toàn nhà HTP E 434 Trần Khát Chân E Hai Bà Trưng E Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Tp. Hồ Chí Minh (*)	Số 198 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22 E Quận Bình Thạnh E Tp. Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc

(*) Theo nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 27/06/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Công ty đang làm thủ tục giải thể Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh do không hoạt động trong thời gian qua

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 E KCN Điện Nam E Điện Ngọc E Huyện Điện Bàn E Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ổng nước	99,33%	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6 E A7 KDC Kênh Bàu E Thành phố Phan Thiết E Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	53,7%	53,7%	53,7%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP E Long An	Ấp 7 - Xã Nhị Thành E Huyện Thủ Thừa E Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	65%	65%	65%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất & kinh doanh nhựa công nghiệp	71,89%	71,89%	71,89%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP E Tiền Giang	Số 1 E Đường Ngô Quyền E Tp Mỹ Tho E Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70%	70%	70%

Các Công ty liên doanh liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savanna-khet, Lào	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	31,21%	31,21%	31,21%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 31/12/2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá hạch toán được quy định vào đầu mỗi tháng căn cứ trên tỷ giá bán ra của Ngân hàng ANZ do các nghiệp vụ giao dịch bằng ngoại tệ tại Ngân hàng này chiếm đa số trong các giao dịch của Công ty.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng ANZ ngày 31/12/2016 là 22.740 VND/USD

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng

các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/ được ghi nhận theo mệnh giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua E bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua E bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát khác.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 E 25
Máy móc và thiết bị	04 E 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 E 07
Hệ thống ống, tuyến ống nước sạch	15 E 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 E 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 E 25
Máy móc và thiết bị	04 E 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 E 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 E 05

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất giao không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được hưởng ưu đãi đối với thu nhập từ đầu tư mở rộng trong năm 2010. Công ty chịu thuế suất hiện hành và miễn thuế 02 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp tính cho thời gian còn lại từ năm 2015 theo hướng dẫn tại điều 13 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015. Năm 2016 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh

- ng nghiệp ưu đãi 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được miễn thuế 2 năm (năm 2012, 2013) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (năm 2014 đến năm 2017), nhưng Chi nhánh chỉ được hưởng ưu đãi nêu trên cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015 theo Công văn số 2579/CT_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên doanh
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom	TV HĐQT đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	6.393.876.546	5.678.357.535
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.075.999.888	93.208.090.555
Tiền đang chuyển	172.508.824	
Các khoản tương đương tiền	22.196.038.457	19.033.333.334
	154.838.423.715	117.919.781.424

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	282.193,50	6.411.343.184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	364,14	8.847.510
		6.420.190.694

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu	1.399.000.000	1.167.200.000	(231.800.000)	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Công ty CP Viwaseen 2	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000	
Công ty CP Nhựa Việt Nam <1>	399.000.000	167.200.000	(231.800.000)			
Trái phiếu				5.000.000.000	5.000.000.000	-
Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán SHB <2>				5.000.000.000	5.000.000.000	
	1.399.000.000	1.167.200.000	(231.800.000)	6.000.000.000	6.000.000.000	-

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh

←1→ Công ty CP Nhựa Tân Phú E Công ty con bán bớt 62.000 cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Việt Nam. Giá trị thu về chưa trừ phí giao dịch là 526.400.000 đồng.

←2→ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHBS) thực hiện mua lại 50 trái phiếu phát hành theo hợp đồng mua bán trái phiếu số 15/2015/HDTP/SHBS ngày 29/12/2015 căn cứ đề nghị của Công ty CP Nhựa Đồng Nai. Khoản lãi phát sinh tương ứng đã ghi nhận doanh thu tài chính là 13.698.630 đồng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung		
Tăng do hợp nhất Nhựa Tân Phú	(200.000.000)	
Hoàn nhập dự phòng do bán bớt	(31.800.000)	
Tại ngày cuối kỳ	(231.800.000)	-

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	18.455.000.000	18.455.000.000	14.468.270.709	14.468.270.709
Dài hạn				
Các khoản đầu tư khác	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
	21.455.000.000	21.455.000.000	17.468.270.709	17.468.270.709

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào <1>		-	-			
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận			28.207.062.000			28.207.062.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế <2>	107.909.090.000		107.909.090.000			
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận <3>	28.207.062.000	-	28.207.062.000			
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam - CTCP	5.130.600.000	-	5.130.600.000	5.130.600.000		5.130.600.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An			-	10.100.000.000		10.100.000.000
	141.246.752.000	-	141.246.752.000	43.437.662.000	-	43.437.662.000

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào		31,21%	31,21%		31,21%	31,21%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	2.089.412	13,26%	13,26%	2.089.412	13,26%	13,26%
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam - CTCP	503.000	0,87%	0,87%	503.000	0,87%	0,87%
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	10.790.909	12,32%	12,32%			

←1→ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào là Công ty liên kết của Công ty CP Nhựa Tân Phú E Công ty con của Công ty CP Nhựa Đồng Nai. Tỷ lệ lợi ích được xác định gián tiếp thông qua tỷ lệ sở hữu của Công ty CP Nhựa Tân Phú. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng sản xuất và không còn khả năng thanh toán. Giá trị của khoản đầu tư này được ghi nhận bằng 0 dựa trên các yếu tố rủi ro. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào không lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

←2→ Trong năm 2016, Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chấp thuận là nhà đầu tư chiến lược vào Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế với số lượng cổ phiếu là 10.090.909 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 11,52%. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong 06 năm kể từ ngày sở hữu.

←3→ Khoản đầu tư vào Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận được trình bày lại sang khoản mục Đầu tư vào công ty khác căn cứ trên tỷ lệ sở hữu gián tiếp được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của Công ty CP Bình Hiệp. Công ty Cổ phần Bình Hiệp hiện đang sở hữu 2.089.412 cổ phiếu chiếm 24,7% vốn tại Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng

5.3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	
Phải thu các khách hàng khác		
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai		
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	21.401.610.384
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	8.152.748.999	11.156.080.299
Các khách hàng khác	186.222.907.546	145.502.687.921
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Miền Trung		
Công Ty TNHH 27/7 Tiền Phong	1.126.074.082	1.366.074.082
Cty TNHH MTV Ngô Trần Gia	4.881.765.865	603.425.733
Cty TNHH MTV Cấp Nước & XD Quảng Trị	1.939.498.440	265.126.400
Công ty xây dựng và cấp thoát nước Quảng Nam	2.171.155.791	1.735.583.675
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.353.500.070	20.264.117.728
Tại Công ty CP Bình Hiệp		
Phải thu tiền nước Kê Gà	78.307.367	11.073.367
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú		
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	7.324.791.505	
Công ty TNHH ARYSTA LIFESCIENCE Việt Nam	4.412.605.931	
Công ty TNHH Lavie	6.003.615.326	
Công ty TNHH Á Mỹ Gia	4.477.836.981	
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	3.682.527.960	
Công ty CP Đồ uống cao cấp Thái Lan	1.606.000.000	
Các khách hàng khác	34.769.871.622	
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm		
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	6.352.775.100	
Các khách hàng khác	-	-
	317.193.910.698	202.305.779.589

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty XNK Nhựa Việt - Lào	858.746.635	
Trả trước cho người bán khác		
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai		
TAIZHOU HUANGYAN HUIDA PLASTIC MACHINERY CO.,LTD	11.712.637.275	
New Quantum Holdings PTE LTD	-	4.306.733.692
Các nhà cung cấp khác	24.071.692.706	38.111.919.656
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Miền Trung		
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng - Thương mại Đức Dũng	6.868.000.000	1.250.000.000
Các nhà cung cấp khác	103.881.762	36.880.582
Tại Công ty CP Bình Hiệp		
Công ty CP Khoan và xây lắp Cấp thoát nước	500.000.000	1.464.070.410
Các nhà cung cấp khác	166.230.000	158.600.000
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú		
Taizhou Huiyuan Mould Co., Ltd	871.530.000	
Các nhà cung cấp khác	5.117.585.002	
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm		
Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà TPHCM	525.000.000	
Trung tâm Tư vấn và Kiểm định XD Tiền Giang	21.000.000	
Tại Công ty CP Hạ tầng nước DNP - Long An		
Các nhà cung cấp khác	644.008.500	
	51.460.311.880	45.328.204.340

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào <1>	610.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Các tổ chức, cá nhân khác <2>	31.687.314.606	
	32.297.314.606	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

←1→ Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 36/2014/HĐVV ngày 02/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PL-HDVV ngày 01/11/2014 với lãi suất vay 12%/năm trong 06 tháng kể từ ngày 02/10/2014. Tại thời điểm 30/06/2016, số dư khoản cho vay này là 260.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 01/05/2016 với lãi suất vay 8%/năm trong 06 tháng. Tại thời điểm 30/06/2016, số dư khoản cho vay này là 350.000.000 đồng.

Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay đã được trích dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%.

←2→ Các khoản vay khác căn cứ các hợp đồng vay có thời hạn dưới 12 tháng với lãi suất 6%/năm.

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - Lãi cho vay vốn	152.404.445	(152.404.445)		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - Tạm ứng góp vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)		
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tiền lãi cho vay	649.750.061		257.125.426	
Tạm ứng	8.051.260.519		12.389.898.857	
Ký cược, ký quỹ	9.270.370.632		178.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.042.945.538		1.421.367.697	
	20.804.231.195	(1.789.904.445)	14.246.391.980	-

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	4.724.996.354			
Ký cược, ký quỹ	9.052.609.888		3.554.542.402	
Các khoản phải thu dài hạn khác	480.497.890			
	14.258.104.132	-	3.554.542.402	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Nợ xấu

	Giá gốc	Số cuối năm Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Số đầu năm Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV				
Phải thu tiền bán hàng	3.238.237.572	-	3.238.237.572	-
Công ty CP Xây dựng số 5				
Phải thu tiền bán hàng	21.401.610.384	10.700.805.192	17.561.995.539	8.780.997.769
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông công chánh				
Phải thu tiền bán hàng	7.120.844.766	3.560.422.383		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào				
Phải thu tiền bán hàng	2.236.317.729	-		-
Phải thu tiền cho vay vốn	610.000.000	-		-
Phải thu tiền lãi vay	152.404.445	-		-
Phải thu tạm ứng góp vốn	1.637.500.000	-		-
Trả trước người bán	858.746.635	-		-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.495.065.833	5.993.494.878	17.849.281.016	6.509.921.064
	56.750.727.364	20.254.722.453	38.649.514.127	15.290.918.833

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	(23.358.595.294)		(23.358.595.294)
Trích lập dự phòng bổ sung	(13.959.838.753)		(13.959.838.753)
Tăng do mua Tân Phú	(164.708.935)		(164.708.935)
Hoàn nhập dự phòng	987.138.071		987.138.071
Tại ngày 31/12/2016	(36.496.004.911)	-	(36.496.004.911)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.496.629.450		6.621.151	
Nguyên liệu, vật liệu	234.850.342.694	(35.017.997)	62.745.026.234	
Công cụ, dụng cụ	5.433.068.205		-	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.893.061.803	(2.346.799.913)	6.321.941.678	(2.346.799.913)
Thành phẩm	38.387.372.648		29.561.882.533	
Hàng hóa	11.024.997.232		9.799.795.545	
Hàng gửi đi bán	3.651.238.443		4.427.321.686	
	307.736.710.475	(2.381.817.910)	112.862.588.827	(2.346.799.913)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.017.997	35.017.997
Thành phẩm		24.310.799
	35.017.997	59.328.796

Ngoài ra, Công ty đã trích dự phòng đối với công trình xây dựng tồn đọng nhưng chưa quyết toán.

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	1.987.386.437	
Chi phí liên quan đến hợp đồng thuê tài chính	810.739.559	
Các khoản khác	257.323.630	429.531.754
	3.055.449.626	429.531.754

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	5.766.159.945	1.806.034.638
Chi phí phát hành trái phiếu	805.555.556	
Chi phí cải tạo sửa chữa lớn	71.426.616	854.135.796
Chi phí di dời mở rộng tuyến ống	177.929.898	376.541.127
Chi phí thổi rửa giếng Kê Gà	90.162.727	180.325.455
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.395.159.940	2.663.237.407
	9.306.394.682	5.880.274.423

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	50.936.927.359	146.935.982.744	39.296.591.321	2.960.496.893	240.129.998.317
Mua trong năm	1.855.998.064	71.944.149.381	3.320.184.531	336.667.273	77.456.999.249
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.581.720.039	174.128.616	15.323.529.969	-	19.079.378.624
Tăng do mua Công ty con	348.974.248.526	209.340.386.667	714.904.258.598	477.893.115	1.273.696.786.906
Tăng khác	69.164.900	-	-	34.204.000	103.368.900
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	5.558.799.970	902.000.000	-	6.460.799.970
Giảm do thanh lý	-	(34.210.276.814)	(772.999.080)	-	(34.983.275.894)
Giảm do thoái vốn Công ty con	-	(2.747.579.100)	(339.711.545)	-	(3.087.290.645)
Giảm khác	(6.093.204)	(34.204.000)	-	-	(40.297.204)
Tại ngày 31/12/2016	405.411.965.684	396.961.387.464	772.633.853.794	3.809.261.281	1.578.816.468.223
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	20.427.514.524	94.800.495.887	12.679.701.189	1.931.300.116	129.839.011.716
Khấu hao trong năm	12.254.343.065	27.064.179.606	11.553.362.184	394.868.803	51.266.753.658
Tăng do mua Công ty con	79.624.072.727	131.255.618.291	120.908.201.646	286.917.364	332.074.810.028
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	5.059.536.265	714.083.346	-	5.773.619.611
Giảm do thanh lý	-	(10.238.205.914)	(763.610.122)	-	(11.001.816.036)
Giảm do thoái vốn Công ty con	-	(1.545.546.686)	(234.711.545)	-	(1.780.258.231)
Tại ngày 31/12/2016	112.305.930.316	246.396.077.449	144.857.026.698	2.613.086.283	506.172.120.746
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	30.509.412.835	52.135.486.857	26.616.890.132	1.029.196.777	110.290.986.601
Tại ngày 31/12/2016	293.106.035.368	150.565.310.015	627.776.827.096	1.196.174.998	1.072.644.347.477

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuế tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-	-
Thuế tài chính trong kỳ	-	24.784.924.148	-	-	24.784.924.148
Tăng do mua Công ty con	-	56.292.706.293	3.119.647.636	-	59.412.353.929
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	58.599.152.127	3.048.547.273	-	61.647.699.400
Tại ngày 31/12/2016	-	(5.558.799.970)	(902.000.000)	-	(6.460.799.970)
	-	134.117.982.598	5.266.194.909	-	139.384.177.507
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	-	3.903.967.306	-	-	3.903.967.306
Khấu hao trong kỳ	-	21.023.586.279	707.977.348	-	21.731.563.627
Tăng do mua Công ty con	-	23.510.121.545	952.497.168	-	24.462.618.713
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	(5.059.536.265)	(714.083.346)	-	(5.773.619.611)
Tại ngày 31/12/2016	-	43.378.138.865	946.391.170	-	44.324.530.035
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	-	20.880.956.842	-	-	20.880.956.842
Tại ngày 31/12/2016	-	90.739.843.733	4.319.803.739	-	95.059.647.472

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	4.125.064.091		4.125.064.091
Mua trong năm	680.000.000		680.000.000
Tăng do mua Công ty con	32.011.345.218	342.000.000	32.353.345.218
Thanh lý, nhượng bán	(2.818.564.091)	(63.000.000)	(2.881.564.091)
Tại ngày 31/12/2016	33.997.845.218	279.000.000	34.276.845.218
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	115.043.424		115.043.424
Khấu hao trong kỳ	327.906.263	19.250.001	347.156.264
Tăng do mua Công ty con	3.726.390.009	322.749.999	4.049.140.008
Thanh lý, nhượng bán	(171.414.708)	(63.000.000)	(234.414.708)
Tại ngày 31/12/2016	3.997.924.988	279.000.000	4.276.924.988
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	4.010.020.667	-	4.010.020.667
Tại ngày 31/12/2016	29.999.920.230	-	29.999.920.230

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Tăng do mua công ty con	Kết chuyển giảm trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	913.034.521	39.450.014.527		2.823.591.248	37.539.457.800
Xây dựng cơ bản dở dang	10.235.128.051	12.304.038.163	23.133.895.896	16.541.574.323	29.131.487.787
Sửa chữa lớn tài sản cố định		910.228.650			910.228.650
	11.148.162.572	52.664.281.340	23.133.895.896	19.365.165.571	67.581.174.237

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết số dư các công trình xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc đang lắp đặt	37.539.457.800	913.034.521
Chi phí đền bù giải tỏa XD HTCN Thuận Quý Kê Gà	143.237.773	143.237.773
Tuyến ống 500 ga Phan Thiết	4.157.000	4.157.000
T/ống 315 HDPE từ NMN Cà Giang về Phan Thiết (6,5 km)		9.441.229.872
T/ống 315 1,4 km nối dài từ QL28 đến đầu Bến Lợi		131.710.129
Chi phí đền bù hoa màu VKT T/ống 315 HDPE 6,5 km		127.698.500
Chi phí lãi vay t/ống 315 HDPE 6,5km		351.527.777
Công trình đường công vụ bảo vệ t/ống 500	35.567.000	35.567.000
Dự án nhà xưởng tại Chi nhánh Bắc Ninh	27.393.147.681	
Sửa chữa tại Nhà máy Long An	910.228.650	
Dự án nhà máy nước DNP - Long An	1.358.046.478	
Dự án nhà máy nước DNP - Tiền Giang	42.120.313	
Đường – Lan can hồ nước thô - Nhà máy nước Đồng Tâm	155.211.542	
	67.581.174.237	11.148.162.572

5.14 Lợi thế thương mại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi thế thương mại đầu năm	23.437.253.135	65.305.669
Lợi thế thương mại tăng trong năm	174.749.181.017	26.041.392.372
Điều chỉnh giảm		(65.305.669)
Phân bổ lợi thế thương mại	(11.596.788.766)	(2.604.139.237)
	186.589.645.386	23.437.253.135

Chi tiết số dư lợi thế thương mại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Bình Hiệp	20.833.113.898	23.437.253.135
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhựa Tân Phú	55.487.040.046	
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	110.269.491.442	
	186.589.645.386	23.437.253.135

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai		
Taizhou Huangyan Yongmao Mould Co.,Ltd	10.167.963.600	-
Công ty TNHH Nhựa & Hóa Chất Phú Mỹ Itochu Corporation	-	3.753.750.000
Sabic Asia Pacific Pte Ltd	3.126.252.250	22.540
Các nhà cung cấp khác	21.175.051.301	16.224.119.988
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Miền Trung		
Các nhà cung cấp khác	5.726.159.379	780.758.869
Tại Công ty CP Bình Hiệp		
Công ty khai thác công trình Thủy lợi	2.302.469.820	2.211.965.663
Phải trả đối tượng khác	21.769.300	21.021.106
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú		
Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam	1.437.993.921	
Vinmar International Co., Ltd	2.889.431.265	
SMC Coporation Limited (Thailand)	2.642.404.100	
Các nhà cung cấp khác	6.859.335.136	
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm		
Các nhà cung cấp khác	98.435.628	
	69.522.175.440	22.991.638.166

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai		
Công ty CP Sản xuất và Thương mại N.I.D	744.710.404	458.011.110
Công Ty TNHH TM&DV Tân Vạn Phú		1.500.000.000
Ban Quản Lý Khai Thác Cung Cấp Nước Sinh Hoạt Huyện Châu Thành - Bến Tre	494.649.992	994.550.302
Các khách hàng khác	3.987.704.129	4.156.261.368
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Miền Trung		
Các khách hàng khác	1.359.823.018	158.003.624
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú		
Công ty TNHH Vico	327.937.500	
Trương Thị Tường Trinh	156.900.000	138.200.000
Mai Thị Tường Vi	288.000.000	
Các khách hàng khác	552.535.591	457.730.321
	7.912.260.634	7.862.756.725

5.17 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Do mua/bán công ty con VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.885.470	-	20.708.792.911	21.659.005.989	2.969.097.074	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	666.615.708	60.957.389.037	60.290.773.329	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	62.667.966	-	1.195.232.876	1.038.908.734	(163.270.823)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp <1>	2.737.572.334	266.831.579	19.110.826.498	23.512.784.644	909.427.648	4.933.585.009
Thuế thu nhập cá nhân	92.557.116	-	2.605.162.185	1.911.194.221	82.741.338	5.636.776
Thuế tài nguyên	1.380.000	-	99.396.600	75.616.980	16.469.160	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.088.073.017	1.088.073.017	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	26.216.000	26.216.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	94.800.494	94.800.494	(54.561.896)	54.561.896
Cộng	2.904.062.886	933.447.287	105.885.889.618	109.697.373.408	3.759.902.501	4.993.783.681

←1→ Thuế TNDN trong kỳ phát sinh phải nộp chênh lệch giảm so với chi phí thuế TNDN hiện hành 832.340.685 đồng do Công ty CP Nhựa Tân Phú điều chỉnh lại khoản thuế phải nộp năm 2015 theo công văn số 3512/CT-TTHT ngày 20/04/2016 của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh hướng dẫn về việc xác định và kê khai thuế đối với khoản thuế TNDN được ưu đãi đối với phần lợi nhuận của Chi nhánh Long An. Khoản chênh lệch giảm được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước.

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí hoa hồng môi giới	1.685.913.522	
Chi phí lãi vay phải trả	3.217.169.926	988.454.315
Chi phí vận chuyển	203.310.909	276.282.679
Chi phí thuê máy nhựa	633.103.300	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	<u>804.458.750</u>	<u>387.351.321</u>
	<u>6.543.956.407</u>	<u>1.652.088.315</u>

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan		
Thù lao HĐQT và BKS	56.772.194	
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	1.354.157.893	428.406.588
Bảo hiểm xã hội	371.016.902	318.986.354
Bảo hiểm y tế	60.926.845	45.707.143
Bảo hiểm thất nghiệp	40.120.901	19.933.528
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang	1.200.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	367.513.140	11.343.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>5.749.789.831</u>	<u>2.808.029.417</u>
	<u>9.200.297.706</u>	<u>3.632.406.030</u>

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom <1>	70.000.000.000	
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	1.708.729.025	
Các cá nhân hợp tác đầu tư <2>	37.273.090.000	
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang <3>	207.535.018.544	
Các khoản phải trả khác	<u>152.072.710</u>	<u>-</u>
	<u>316.668.910.279</u>	<u>-</u>

←1→ Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2016/HĐ-DNP ngày 25/11/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

←2→ Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân ngày 28/10/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

←3→ Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam gồm các khoản lãi vay chưa trả đến 31/12/2015 được gia hạn trả dần đến năm 2028 theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2015/HĐSĐBS E NHPT ngày 31/12/2015. Khoản phải trả trong năm 2017 là 1.200.000.000 đồng đã được phân loại lên nợ ngắn hạn.

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Tăng do mua Công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay ngắn hạn	669.862.142.327	669.862.142.327	1.412.510.891.748	84.346.553.572	1.198.265.949.778	371.270.646.785
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	506.756.479.587	506.756.479.587	950.959.134.196		809.786.185.850	365.583.531.241
Nghân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Trường Sơn <2>	46.626.552.887	46.626.552.887	114.434.795.617		67.808.242.730	-
Nghân hàng SINOPAC - CN HCM <3>	23.883.585.815	23.883.585.815	51.800.722.959		72.300.818.842	44.383.681.698
Nghân hàng ANZ - CN HCM	-	-	3.781.537.650		58.837.204.536	55.055.666.886
Nghân hàng Công Thương KCN Biên Hòa <4>	137.576.489.822	137.576.489.822	285.497.441.327		232.671.123.838	84.750.172.333
Nghân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - CN Sở giao dịch Đồng Nai <5>	49.969.841.008	49.969.841.008	77.395.673.008		27.425.832.000	-
Nghân hàng Standard Chartered - CN HCM <6>	25.974.456.750	25.974.456.750	85.842.454.500		97.318.756.121	37.450.758.371
Nghân hàng Vietcombank - CN Đồng Nai <7>	16.438.950.443	16.438.950.443	61.866.059.561		79.423.263.146	33.996.154.028
Nghân hàng Quốc Tế - CN VIB Đồng Nai	-	-	-		14.091.797.933	14.091.797.933
Nghân Hàng Phương Đông - CN Đồng Nai	-	-	-		11.691.373.686	11.691.373.686
Nghân hàng Việt Á - CN Đồng Nai <8>	66.394.572.243	66.394.572.243	79.484.292.285		77.459.875.258	64.370.155.216
Nghân hàng Tiên Phong - CN Đồng Nai	-	-	-		19.793.771.090	19.793.771.090
Nghân hàng Vietcombank - CN Khách hàng đặc biệt <9>	62.802.812.967	62.802.812.967	62.802.812.967		-	-
Nghân hàng Techcombank - CN Đồng Nai <10>	77.089.217.652	77.089.217.652	77.095.784.322		6.566.670	-
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	-	-	29.987.715.486		29.987.715.486	-
Vay đối tượng khác	-	-	20.969.844.514		20.969.844.514	-

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Tăng do mua Công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	123.914.662.708	123.914.662.708	354.155.047.211	84.346.553.572	314.586.938.075	-
Nghân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	-	-	-	1.263.116.160	1.263.116.160	-
Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	6.812.666.887	6.812.666.887	27.572.761.098	19.672.082.522	40.432.176.733	-
Nghân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	-	-	2.044.810.590	2.044.810.590	-
Nghân hàng BPCIOM Chi nhánh Tp.HCM	15.890.270.417	15.890.270.417	57.402.443.055	10.025.704.463	51.537.877.101	-
Nghân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	-	-	34.731.847.004	3.263.261.484	37.995.108.488	-
Nghân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	95.117.870.660	95.117.870.660	184.494.924.798	45.762.934.813	135.139.988.951	-
Nghân hàng TMCP Quốc Tế VIB CN TPHCM	6.093.854.744	6.093.854.744	32.063.994.288	-	25.970.139.544	-
Nghân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hồ Chí Minh	-	-	17.842.076.968	2.204.643.540	20.046.720.508	-
Vay cá nhân	-	-	47.000.000	110.000.000	157.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai - Miền Trung	39.191.000.032	39.191.000.032	107.396.710.341	18.492.555.875	73.892.825.853	5.687.115.544
Nghân hàng NN&PTNT - CN Điện Ngọc	3.721.146.032	3.721.146.032	18.492.555.875		14.771.409.843	-
Nghân hàng TMCP Ngoại thương - CN Điện Ngọc	-	-	1.044.967.534		2.032.083.078	987.115.544

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (tiếp)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Tăng do mua Công ty con	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
2> Vay dài hạn đến hạn trả	82.017.192.714	82.017.192.714	89.208.524.929	21.216.065.488	34.166.221.423	5.758.823.720
Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai	7.583.288.378	7.583.288.378	11.085.443.220		9.260.978.562	5.758.823.720
Ngân hàng Tiên Phong - CN Đồng Nai	101.919.996	101.919.996	50.959.998		50.959.998	101.919.996
Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD 2	934.692.000	934.692.000	467.346.000		467.346.000	934.692.000
Ngân hàng Mâybank - CN TPHCM	76.984.866	76.984.866	76.984.866			
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	293.933.584	293.933.584	293.933.584		556.842.264	556.842.264
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	1.075.958.082	1.075.958.082	1.359.599.903		2.291.617.721	2.007.975.900

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (tiếp)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Tăng do mua Công ty con	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú	32.433.904.336	32.433.904.336	36.123.081.709	21.216.065.488	24.905.242.861	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	5.523.480.000	5.523.480.000	5.757.480.000	5.757.480.000	5.991.480.000	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.669.486.260	3.669.486.260	3.951.483.508	3.160.658.032	3.442.655.280	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	4.632.000.000	4.632.000.000	6.176.000.000	-	1.544.000.000	
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	6.260.537.026	6.260.537.026	7.017.152.685	5.709.371.880	6.465.987.539	
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	480.529.647	480.529.647	480.529.647	555.000.000	555.000.000	
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4.036.772.400	4.036.772.400	4.174.759.800	157.024.826	295.012.226	
Công ty đầu Tư Tài Chính Nhà Nước TP.HCM	-	-	-	697.188.700	697.188.700	
Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE	7.070.054.203	7.070.054.203	7.804.631.269	4.418.297.250	5.152.874.316	
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	761.044.800	761.044.800	761.044.800	761.044.800	761.044.800	
Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000			
	751.879.335.041	751.879.335.041	1.501.719.416.677	105.562.619.060	1.232.432.171.201	377.029.470.505

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

<1> Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Nhựa Tân Phú

Hợp đồng vay vốn số 001/VV/NDN-NTP ngày 23 tháng 6 năm 2016. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 8.000.000.000 đồng. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày nhận. Lãi suất áp dụng trong hợp đồng là 6%/năm.

<2> Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn

Hợp đồng tín dụng số 63/2016/4589822/HĐTD ngày 18 tháng 03 năm 2016. Hạn mức tín dụng với số dư nợ tối đa là 80.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng, thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/Cam kết bảo lãnh/(L/C) được phát hành. Biện pháp đảm bảo bao gồm (i) Tín chấp, (ii)Hàng tồn kho, khoản phải thu, (iii) Tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng hoặc tiền gửi của các thành viên của Công ty hoặc bên thứ ba, (iv) Bất động sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của công ty hoặc của bên thứ ba, (v) Đảm bảo bằng 100% số dư trên tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam E chi nhánh Trường Sơn và các tổ chức tín dụng khác và (vi) Toàn bộ doanh thu từ các nguồn hợp pháp khác của Công ty chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam E Chi nhánh Trường Sơn. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

<3> Khoản vay ngân hàng Sinopac - CN Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 151042 ngày 30 tháng 09 năm 2015. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng ngắn hạn tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng trị giá đến tổng số tiền vay gốc là 2.000.000 USD hoặc một khoản tương đương bằng đồng tiền tùy chọn. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, thanh toán các khoản nhập mua nguyên vật liệu. Khoản vay ngắn hạn có thời hạn 12 tháng từ ngày 08 tháng 09 năm 2015. Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được ấn định: (i) Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được giải ngân bằng USD không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của Ngân hàng cộng với 1%/năm, (ii) Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được giải ngân bằng tiền VNĐ không thấp hơn chi phí vốn của Ngân hàng áp dụng cho VND cộng 1%/năm. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng: Công ty bằng hợp đồng này cam kết cung cấp cho Ngân hàng biện pháp bảo đảm cho các khoản tiền ứng được thực hiện theo hợp đồng này dưới hình thức, nhưng không giới hạn các tài liệu khác như có thể được Ngân hàng yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào liên quan đến việc ký kết, đăng ký và hoàn tất các tài liệu trên và tiến hành các bước tiếp theo mà Ngân hàng cho là cần thiết để duy trì biện pháp bảo đảm được cung cấp bởi các tài liệu đó.

<4> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - KCN Biên Hoà

Hợp đồng số 01/2015/HMTD-HM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 23/06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam E khu công nghiệp Biên Hoà với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 đồng. Thời hạn vay vốn tối đa không quá 06 tháng. Mục đích sử

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

dụng vốn vay của công ty là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ mà Ngân hàng gửi cho Công ty. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là dây chuyền máy đùn ống HDPE.

Hợp đồng tín dụng số 2016-HĐTDHM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 29 tháng 7 năm 2016. Hạn mức cho vay tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Ngân hàng cam kết cho Công ty vay các khoản tiền bằng Đồng Việt Nam và/hoặc Đô la Mỹ trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ phát sinh và được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HMTD-HM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 23/06/2015 và các hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung ký kết giữa Ngân hàng và Công ty theo liệt kê chi tiết tại phụ lục số 1 của Hợp đồng này. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay của Công ty là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất ngày được ghi theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định và điều chỉnh theo các quy định được thể hiện trong Hợp đồng này. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp (i) Hợp đồng thế chấp số 01/NĐN/2013/HĐTCC (ii) Hợp đồng thế chấp số 02/NĐN/2013/HĐTC (iii) Hợp đồng thế chấp số 03/NĐN/2013/HĐTC (iv) Hợp đồng cầm cố số 01-NHUA-2015/HĐCC (v) Hợp đồng cầm cố số 02-NHUA-2015/HĐCC (vi) Hợp đồng thế chấp số 01-2016-HTK-NHUA-ĐN/HĐTC

<5> Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh - CN SGD Đồng Nai

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1405/2016/HĐTDHM-DN/135 ngày 31 tháng 10 năm 2016. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C nhập khẩu, bảo lãnh trong nước và chiết khấu BCT phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại ống, phụ kiện ngành nước, bao bì, túi nilon nhựa. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 21/12/2015. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là khoản phải thu tối thiểu và hàng tồn kho tối thiểu tổng trị giá 170.000.000.000đ. Lãi suất áp dụng được quy định cụ thể trong từng KUNN/Hợp đồng cấp tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh trên cơ sở LSCV được HDBank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo thông báo của HDBank gửi đến Bên được cấp tín dụng trong suốt thời gian vay thực tế.

<6> Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered - Chi nhánh HCM

Bản sửa đổi thư cấp HMTD SBFL/042015-383 ngày 10 tháng 04 năm 2015. Tổng khoản tối đa Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 2.000.000 USD tại bất kỳ thời điểm nào. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động thanh toán các khoản nhập khẩu nguyên vật liệu theo nhu cầu kinh doanh của công ty với kỳ hạn tối đa 120 ngày. Lãi suất được áp dụng theo chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng biên độ tối thiểu 3%/năm trong đó chi phí huy động vốn áp dụng sẽ được cập nhật và thông báo cho công ty tại từng thời điểm hoặc theo yêu cầu của công ty. Biện pháp đảm bảo của Thư hạn mức tín dụng là các Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu, Hợp đồng thế chấp hàng hoá, Hợp đồng cầm cố và bù trừ tài khoản.

<7> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Biên Hoà

Hợp đồng 0142.15/48.05-HMTD ngày 10 tháng 06 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay tối đa là 35.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mục đích sản xuất kinh doanh, phát hành bảo lãnh, tài trợ thương mại. Thời hạn của khoản vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay được áp dụng theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là các tài sản quy định trong Hợp đồng thế chấp 039/NHNT.BH ngày 09/07/2008 và Hợp đồng thế chấp 113/09/VCB.BH ngày 25/11/2009.

<8> Công ty vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đồng Nai

Hợp đồng tín dụng số 200-91/15/VAB/HĐHMDN ngày 09/10/2015. Hạn mức cho vay tín dụng là: 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với kỳ hạn: 11 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay là dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nhựa. Lãi suất áp dụng trong hợp đồng: 11%/năm đối với tiền VND và 5%/năm đối với USD. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng là cổ phiếu Công ty CP Bình Hiệp thuộc sở hữu của các thành viên Công ty CP Nhựa Đồng Nai; Cổ phiếu Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP Viwaseen thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung, Cổ phiếu Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP Viwaseen thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai.

<9> Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh dịch vụ khách hàng đặc biệt

Hợp đồng tín dụng số 16/2344014-NH/0332 ngày 01 tháng 09 năm 2016 giữa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam E chi nhánh dịch vụ đặc biệt và Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 200.000.000.000 VND. Thời hạn của khoản vay là không quá 06 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng theo các biện pháp đảm bảo tại hợp đồng cấp tín dụng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

<10> Khoản vay Ngân hàng Techcombank Việt Nam

Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20160088/HĐCTD ngày 01/07/2016 giữa Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng thời hạn 01 năm với thời hạn mỗi khoản vay không quá 06 tháng. Mục đích vay của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Lãi suất được áp dụng theo từng lần giải ngân. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng này là khoản tín chấp và các tài sản bảo đảm khác được các bên thoả thuận sử dụng bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Khách hàng tại Techcombank

Thông tin các khoản vay của Công ty CP Nhựa Tân Phú

Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12

Hợp đồng số 76/2016-HĐTDHM/NHCT944-TANPHU ngày 19/10/2016. Hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa là 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức là từ 19/10/2016 đến 30/09/2017. Biện pháp đảm bảo là Xe ô tô biển số 57P-5173 hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC ngày 06/08/2012. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Khoản vay ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-533592-2016 ngày 4 tháng 1 năm 2016. Thoả thuận về việc cấp hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa: (i) Mở thu tín dụng nhập khẩu: tối đa 1.500.000 USD, (ii) Tài trợ nhập khẩu: tối đa 1.500.000 USD, (iii) Vay ngắn hạn để thanh toán trong nước: tối đa 500.000 USD. Mục đích vay là đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của bên vay, thời hạn cấp hạn mức tối đa không quá 5 tháng. Biện pháp đảm bảo là (i)Hàng tồn kho luân chuyển và/ hoặc khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, (ii)Chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho Ngân hàng với giá trị tối thiểu tương đương 1.000.000USD. Lãi suất cho vay được áp dụng bằng chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay.

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0120/KH/16NH kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0120/KHDN1/16NH ngày 16/6/2016. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Biện pháp đảm bảo là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai TUCSON, biển số 52A-324.83 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0141/NHNT ký ngày 11 tháng 06 năm 2014 giữa Ngân hàng và khách hàng. Lãi suất cho vay áp dụng theo thoả thuận giữa bên cho vay và bên vay được thể hiện trên từng Giấy nhận nợ phù hợp với quy định về lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từng thời kỳ.

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 0010/HĐTD2-VIB880/16 ngày 22/02/2016. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Loại tín dụng được cấp là (i) cho vay ngắn hạn 30.000.000.000 VND được VIB giải ngân với thời hạn tối đa 04 tháng, (ii) tín dụng chứng từ 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương được VIB phát hành tín dụng chứng từ cho các nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ cho Bên vay theo các hình thức L/C trả ngay/trả chậm tối đa 120 ngày. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa, nhập khẩu hạt nhựa các loại và các sản phẩm phụ trợ để sản xuất nhựa của bên vay. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm và khoản phải thu của Công ty với giá trị tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, được xác định từ thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 236/2014/HĐHM/CMB-HCM ngày 30/01/2015. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với loại tín dụng được cấp là cho vay hoặc phát hành thư tín dụng(L/C). Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động và Phát hành L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa. Thời hạn vay của các khoản vay thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay là (i) Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, công ty sẽ ký quỹ số tiền bằng tối thiểu 15% giá trị của L/C bằng tiền mặt hoặc đảm bảo bằng tiền gửi tại bên Ngân hàng, (ii) hàng tồn kho luân chuyển, (iii) Khoản phải thu luân chuyển của công ty và (iv) các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thoả thuận 2 bên. Lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng được Bên ngân hàng thông báo cho công ty mỗi lần vay vốn được ghi nhận cụ thể trong các kế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.

Thông tin các khoản vay của Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Điện Ngọc

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 4218-LAV-201600325 ngày 07/4/2016, thời hạn vay không quá 12 tháng, hạn mức vay 7 tỷ đồng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 02/2016/HĐTC-NĐN ngày 05/4/2016.

Khoản vay Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Điện Ngọc

Hợp đồng tín dụng số 826/2016 - HĐTDHM/NHCT482-DNMT ngày 04/08/2016, thời hạn vay tối đa không quá 4 tháng, hạn mức vay 40.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, khoản vay được đảm bảo bằng các văn bản bảo lãnh của Công ty cổ phần nhựa Đồng Nai và được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản và cầm cố giấy tờ có giá.

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn đến hạn trả và nợ thuê tài chính đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn **5.20.2**.

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Tăng do mua Công ty con VND	Giảm VND	Giá trị VND
1> Vay dài hạn	579.079.814.822	579.079.814.822	41.096.376.432	600.822.954.981	84.300.800.441	21.461.283.850
Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai	19.916.886.916	19.916.886.916	17.505.587.107		1.113.596.862	3.524.896.671
Ngân hàng Tiên Phong - CN Đồng Nai <1>	297.266.675	297.266.675	-		101.919.996	399.186.671
Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD 2 <2>	2.191.018.000	2.191.018.000	-		934.692.000	3.125.710.000
Ngân hàng Maybank - chi nhánh TPHCM <3>	692.863.794	692.863.794	769.848.660		76.984.866	
Ngân hàng Sinopac - chi nhánh TPHCM <4>	16.735.738.447	16.735.738.447	16.735.738.447			
Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	20.711.891.236	20.711.891.236	11.752.929.062		10.626.203.579	1.636.387.179
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Điện Ngọc	10.536.387.179	10.536.387.179	9.700.000.000		800.000.000	1.636.387.179
Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú	27.848.547.998	27.848.547.998	11.990.789.325	38.044.962.252	22.187.203.579	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	1.919.160.000	1.919.160.000		7.676.640.000	5.757.480.000	
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	8.256.344.057	8.256.344.057	2.052.929.062	10.272.138.574	4.068.723.579	
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	6.933.043.941	6.933.043.941	7.154.860.263	6.726.183.678	6.948.000.000	
Vay cá nhân	10.740.000.000	10.740.000.000	2.783.000.000	13.370.000.000	5.413.000.000	
Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	520.777.992.729	520.777.992.729	-	562.777.992.729	42.000.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang	520.777.992.729	520.777.992.729		562.777.992.729	42.000.000.000	
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	-	-	1.900.000.000		18.200.000.000	16.300.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận			1.900.000.000		18.200.000.000	16.300.000.000

Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (tiếp)

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
2> Nợ thuế tài chính	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai	164.422.955.756	164.422.955.756	187.631.910.934	42.999.943.191	3.415.567.156	3.415.567.156
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh <5>	10.023.188.964	10.023.188.964	17.097.774.164	10.490.152.356	3.415.567.156	3.415.567.156
Công ty TNHH Cho thuê tài chính QT Chaillease <6>	424.664.260	424.664.260	947.608.891	293.933.584	293.933.584	293.933.584
Công ty TNHH Cho thuê tài chính QT Việt Nam <7>	9.598.524.704	9.598.524.704	16.150.165.273	1.359.599.903	836.655.272	836.655.272
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	54.399.766.792	54.399.766.792	70.534.136.770	32.509.790.835	2.284.978.300	2.284.978.300
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	9.578.120.372	9.578.120.372	13.823.500.300	9.833.148.241	-	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	84.024.880	84.024.880	564.554.527	480.529.647	-	-
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE	10.380.626.640	10.380.626.640	13.878.251.410	11.651.073.972	-	-
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.308.604.015	1.308.604.015	2.069.648.815	761.044.800	-	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	33.048.390.885	33.048.390.885	42.832.385.060	9.783.994.175	-	-
3> Trái phiếu thông thường	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
	743.502.770.578	743.502.770.578	228.728.287.366	127.300.743.632	24.876.851.006	24.876.851.006

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1> Thông tin về các khoản vay dài hạn

Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

<1> Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Nai:

Hợp đồng tín dụng số 690-07.2015/HĐKHMTD/TPBANK-DNI ngày 12/08/2015. Hạn mức tín dụng là 509.600.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay để mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất trong hợp đồng là 7,7%/năm được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ sau ngày 07/05/2017. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng tín dụng này là (i) Hợp đồng đảm bảo số 850-11.2015/HĐTC/TPBANK-DNI ký kết ngày 07/11/2015 với tài sản là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 399.186.671 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 101.919.996 đồng

<2> Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN SGD 2

Hợp đồng tín dụng số 15043.15.103.2431904.TD ngày 17/08/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội E chi nhánh sở giao dịch 2 với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng: 3.028.550.000 VND thời hạn tối đa 60 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để mua ô tô mới 100% phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất áp dụng: ưu đãi đến 18/08/2016: 8%, sau thời hạn trên, lãi suất được áp dụng là 9,7%/năm. Biện pháp đảm bảo hợp đồng là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 2.220.950.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 605.700.000 đồng

Hợp đồng tín dụng số 20015.15.103.2431904.TD ngày 08/09/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội E chi nhánh sở giao dịch 2 với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là: 1.316.000.000 VND thời hạn tối đa 48 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để mua ô tô, xe tải mới phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất áp dụng: ưu đãi đến 17/09/2016: 8%/năm, sau thời hạn trên, lãi suất được áp dụng là 9,7%/năm. Biện pháp đảm bảo hợp đồng là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 904.760.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 328.992.000 đồng.

<3> Khoản vay Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 162004 ngày 16 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng Sinopac E Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 1.500.000 USD hoặc một khoản tiền tương đương bằng đồng tiền tùy chọn tùy thuộc vào điều khoản và điều kiện của hợp đồng này. Mục đích của khoản vay này là để cấp vốn tín dụng cho việc mua máy móc và thiết bị của Bên vay và việc sử dụng tiền có liên quan. Biện pháp bảo đảm của hợp đồng này các máy móc và thiết bị được tài trợ dưới khoản tín dụng này. Lãi suất áp dụng cho khoản tiền ứng bằng USD là không thấp hơn lãi suất LIBOR 3 tháng cộng với 3,5% và sẽ được điều chỉnh mỗi 03 tháng cho các năm tiếp theo. Lãi suất áp dụng cho khoản tiền ứng bằng VND là không thấp hơn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cộng với 2%.

<4> Khoản vay Ngân hàng Maybank - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Thư đề nghị số MBB/HCMC/LO/2016/DNP/01 ngày 25 tháng 07 năm 2016 được ký kết bởi Ngân hàng Maybank E Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức của khoản vay là 2.950.000 USD với thời hạn tối đa là 03 năm. Mục đích vay là để nhập máy móc thiết bị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất áp dụng: lãi suất tiền gửi 12 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp tại Vietcombank Hội sở + 1,65% hoặc lãi suất cơ bản cố định 3 năm +1,65%. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng bao gồm (i) Tiền đặt cọc 10% tổng giá trị Hợp đồng mua máy móc thiết bị (ii) thế chấp tài sản cố định (máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng dưới tên của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai với quyền ưu tiên đầu tiên (iii) Chuyển nhượng toàn bộ quyền và lợi ích của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào liên quan đến máy móc thiết bị được tài trợ cho Ngân hàng với công ty bảo hiểm được chấp thuận bởi Ngân hàng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 769.848.660 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 76.984.866 đồng.

Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung

Khoản vay Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Điện Ngọc

Hợp đồng tín dụng số 78/2015-HĐTADA/NHCT482-DNMT ngày 17/11/2015, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm và được điều chỉnh hàng tháng, hạn mức vay là 1.819.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE 160, khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 77-2015/HĐTC-KHDN ngày 16/11/2015 với Ngân hàng Vietcombank - CN Quảng Nam. Hợp đồng số 249/2016-HDDTDDDA-NHCT482-DN-MT ngày 22/3/2016, thời hạn vay là 60 tháng, hạn mức cho vay là 11,5 tỷ đồng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay để đầu tư nhà xưởng mở rộng và mua sắm dây chuyền máy móc thiết bị HDPE DEKUMA D800/315, HDPE FANGLI D280, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 0024/ĐTDA/15CD ngày 7 tháng 7 năm 2015. Hạn mức tối đa cho vay là 14.477.000.000 VND nhưng không vượt quá 77% tổng mức đầu tư của dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan để đầu tư dự án Đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu để sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ. Trừ lãi suất tiết kiệm được điều chỉnh 3 tháng/lần. Biên độ được điều chỉnh 12 tháng/lần dựa trên xếp hạng tín dụng nội bộ bên vay do bên cho vay đánh giá. Biên độ áp dụng từ ngày 1/7/2015 đến 30/6/2016 là 2,8%/năm. Biện pháp đảm bảo tiền vay được thực hiện như sau: Công ty thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng bảo đảm tiền vay. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 11.565.043.941 đồng trong đó khoản phải trả trong vòng 12 tháng tới là 4.632.000.000 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Shinhan Bank Vietnam

Hợp đồng tín dụng số 130-000-256-280 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Số tiền cho vay là 18.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí xây dựng, mua trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho dự án Xây dựng Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh. Lãi suất cho vay là chi phí vốn thị trường 6 tháng cộng 3%/năm và được điều chỉnh 6 tháng một lần. Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn rút vốn là 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Toàn bộ số nợ vay phát sinh tại Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo: (i) Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên vay, (ii) Nhà xưởng hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 thuộc Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 114100 cấp ngày 15/01/2013 bởi UBND tỉnh Bắc Ninh và (ii) Bảo lãnh cá nhân trị giá 18.000.000.000 VNĐ của ông Ngô Đức Trung dưới dạng Hợp đồng bảo lãnh. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 11.925.830.317 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 3.669.486.260 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12

Hợp đồng tín dụng số 31/HĐTD ngày 20/04/2011. Số tiền cho vay là 37.000.000.000 đồng trong thời hạn 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn rút vốn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An. Lãi suất áp dụng cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất hàng năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối thiểu 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và chi nhánh 12, ngày xác định lãi suất là ngày 01 định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời điểm giải ngân, ngày trả lãi là ngày 25 hàng tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm (i) Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai E tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, (ii) Thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai E tài sản hình thành từ vốn vay của dự án và (iii) quyền sử dụng đất ở số T02330 ngày 16/6/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An, hợp đồng xây dựng nhà máy nhựa Tân Phú tại Long An số 01/HĐXD/2010 ngày 30/07/2010. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 7.442.640.000 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 5.523.480.000 đồng.

Khoản vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo hợp đồng vay dài hạn giữa các cá nhân với công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là để bổ sung vốn cố định hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của các cá nhân, khi đến kỳ đáo hạn nếu các cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng được gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất vay trung hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam E CN 12. Lãi suất được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 10.740.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tại Công ty CP Nhà máy Nước Đồng Tâm

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Theo hợp đồng tín dụng ngày 30/05/2008, được sửa đổi gần nhất theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐSDBS E NHPT ngày 31/12/2015. Hạn mức vay là 765.626.000.000 đồng. Thời hạn vay 20 năm đến tháng 8/2028 trong đó thời gian ân hạn là 2 năm. Lãi suất vay trong hạn là 8,4%/năm. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục xây dựng và lắp đặt thiết bị của dự án B.O.O Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống chuyển tải tỉnh Tiền Giang với công suất 90.000 m³/ngày. Khoản vay được đảm bảo bởi toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.

2> Thông tin về các khoản thuê tài chính

Tại Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam E Chi nhánh TPHCM

Các Hợp đồng số: 68.14.07/CTTC ngày 10/04/2014 và Hợp đồng số 68.14.08/CTTC ngày 27/05/2014 với thời hạn thuê 36 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm giải ngân khoản đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Số dư nợ vay của các hợp đồng tại ngày 31/12/2016 là 293.933.584 đồng và phải trả hết trong năm tới.

Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease

Các hợp đồng số A131100402 ngày 01/11/2013 và hợp đồng thuê số A160107302 ngày 29/09/2016 với thời hạn thuê từ 36 đến 48 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê được áp dụng từ 5,25% đến 8,5% cho các hợp đồng thuê. Số dư nợ vay của các hợp đồng tại ngày 31/12/2016 là 1.482.248.591 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 1.057.584.331 đồng.

Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam

Bao gồm 06 hợp đồng với thời hạn thuê là 48 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê từ 4,68% đến 8,3%/năm cho các hợp đồng thuê. Số dư nợ vay của các hợp đồng tại ngày 30/06/2016 là 17.393.715.629 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 5.193.090.220 đồng.

Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Khoản thuê tài chính gồm có 10 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 37.866.405.385 đồng, thời hạn thuê 48 - 60 tháng được quy định tại lịch thanh toán tiền thuê của mỗi hợp đồng với lãi suất thuê từ 7% - 8,7%/năm được quy định theo từng thời kỳ trên từng lịch thông báo tiền thuê. Từ ngày 01/07/2018: lãi suất cho thuê là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 13 tháng của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín + phí thuê tài chính cố định là 2%/năm. Lãi suất cho thuê được điều chỉnh vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Số dư của các hợp đồng đến ngày 31/12/2016 là 37.085.163.285 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 4.036.772.400 đồng.

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam

Theo các hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, gồm có 02 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 3.807.802.190 đồng, thời hạn thuê 48 tháng với lãi suất thuê là từ 8,42% - 8,49%/năm tại thời điểm 31/12/2016 cho các hợp đồng thuê. Phương thức trả tiền thuê: thanh toán trước mỗi tháng. Số dư của các hợp đồng tại thời điểm 31/12/2016 là 2.069.648.815 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 761.044.800 đồng.

Thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Theo các hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh và mục đích di chuyển theo đúng quy định trong Giấy phép kinh doanh và dự án/phương án thuê tài chính, gồm có 04 Hợp đồng với tổng giá trị thuê là 2.325.429.527 đồng, thời hạn thuê từ 48 E 60 tháng, thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Lãi suất cho thuê được xác định theo phương pháp thả nổi, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng chi phí huy động vốn thực tế của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ cộng biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng cho các hợp đồng thuê tại thời điểm 31/12/2016 là 11,5%. Số dư của các hợp đồng đến ngày 31/12/2016 là 564.554.527 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 480.529.647 đồng.

Thuê tài chính của Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease

Theo các hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm 20 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 26.275.541.640 VNĐ, thời hạn thuê từ 42 E 48 tháng, lãi và gốc được trả hàng tháng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là từ 7,5% - 9,7%/năm cho các hợp đồng thuê. Số dư của các hợp đồng đến ngày 31/12/2016 là 17.450.680.843 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 7.070.054.203 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank - Chi nhánh TP HCM

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm 34 hợp đồng (bao gồm Hợp đồng của chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh), với tổng giá trị thuê là 33.080.019.139 đồng, thời hạn thuê từ 36 tháng E 48 tháng, thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Lãi suất được áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là từ 8,5% - 9,8%/năm cho các hợp đồng thuê. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 15.838.657.398 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 6.260.537.026 đồng.

Thanh toán nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016		
Trả nợ gốc	33.088.296.931	
Trả lãi tiền thuê	4.676.680.509	
Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	37.764.977.440	
Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015		
Trả nợ gốc	22.970.907.700	
Trả lãi tiền thuê	3.797.128.084	
Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	26.768.035.784	

3> Thông tin về khoản trái phiếu thông thường:

Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu thường cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Dịch vụ khách hàng đặc biệt để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản vay theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2016/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2016.

Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

- Thời điểm phát hành: 25/05/2016.
- Kỳ hạn gốc: 36 tháng
- Kỳ hạn còn lại: 35 tháng
- Số lượng trái phiếu phát hành: 100 trái phiếu
- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND
- Lãi suất: 7,4% /năm đầu tiên, từ năm thứ 2 bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%.
- Thời hạn thanh toán: Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
- Tài sản bảo đảm: Trái phiếu được bảo đảm bằng máy móc thiết bị và công trình tại 02 nhà máy nước của Công ty CP Bình Hiệp, lô đất A6 E A7, p. Xuân An, Phan Thiết, Bình Thuận thuộc sở hữu của Công ty CP Bình Hiệp và dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.
- Cam kết khác : Không chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông trong thời gian trái phiếu lưu hành. Đảm bảo hệ số vay không vượt quá 75% vốn chủ sở hữu. Khả năng trả nợ dài hạn và hệ số thanh toán lớn hơn hoặc bằng 1.
- Duy trì tối thiểu 20% giá trị còn lại của Trái phiếu đang lưu hành trong tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Vietcombank trong vòng tối thiểu 30 ngày trước mỗi ngày tròn 12 tháng, 24 tháng và 36 tháng.

- Các khoản vay đã được cơ cấu từ nguồn trái phiếu dài hạn: Tổng giá trị khoản vay đã cơ cấu: 99.999.946.733 đồng:

- Khoản vay và lãi vay Việt Á: 29.999.946.733 đồng
- Khoản vay Vietinbank: 30.000.000.000 đồng
- Khoản vay Far East National Bank: 10.000.000.000 đồng
- Khoản vay Vietcombank: 20.000.000.000 đồng
- Khoản vay Standard Chattered Bank: 10.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.21 Thuế TNDN hoãn lại phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	28.802.399.318	-
	28.802.399.318	-

Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hợp nhất theo giá trị hợp lý của TSCĐ thuộc Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm. Khoản thuế được trích tương ứng với khấu hao bổ sung của các tài sản được đánh giá lại.

5.22 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Dự phòng tiền lương phải trả	-	753.899.710
	-	753.899.710

5.23 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác thuộc chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Năm trước								
Tại ngày 01/01/2015	34.276.370.000	26.517.339.735	1.441.908.340	(342.000)	19.576.262.119	28.966.953.711	302.983.311	111.081.475.216
Trích các quỹ					6.491.444.188			6.491.444.188
Lãi trong năm						45.058.404.272	8.109.090.201	53.167.494.473
Tăng vốn trong kỳ	100.795.040.000	16.905.000.000	8.941.277.661				8.367.923.000	135.009.240.661
Tăng do mua Công ty con							21.998.495.711	21.998.495.711
Phân loại các khoản chia cổ tức và thưởng bằng cổ phiếu			1.398.990.720		(3.413.085)	(1.395.577.635)		-
Tăng khác					5.285			
Phân phối lợi nhuận							331.910.881	3.010.800.283
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty con khi hợp nhất							(8.550.132.169)	(8.550.132.169)
Chênh lệch giá phí đầu tư khi mua thêm vốn tại Công ty con							(398.314.070)	(860.217.882)
Giảm do thường cổ phiếu và trả cổ tức tăng vốn		(26.517.339.735)			(1.028.298.705)	(25.840.679.221)		(53.386.317.661)
Trả cổ tức bằng tiền							(1.814.000.000)	(1.814.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	135.071.410.000	16.905.000.000	11.782.176.721	(342.000)	25.035.999.802	40.291.857.999	36.898.089.034	265.984.191.556

5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)

Năm nay	Vốn góp		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác thuộc chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	135.071.410.000	16.905.000.000	11.782.176.721	(342.000)	25.035.999.802	40.291.857.999	36.898.089.034	265.984.191.556								
Tăng khác						9.038.179	3.534.711									
Lãi trong kỳ	110.961.780.000	12.250.000.000				86.349.755.611	10.077.740.953									
Tăng vốn trong kỳ						1.413.627	-									
Tăng do mua Công ty con						556.584.057	275.756.628									
Điều chỉnh Quyết toán thuế TNDN năm 2015						(2.176.919.821)	(134.648.696)									
Phân phối lợi nhuận							(796.380.191)									
Giảm do thoái vốn tại Tân Phú Miền Trung							(12.017.498)									
Giảm khác							(71.574.632)									
Bổ sung thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2014							(144.465.428)									
Giảm giá trị đầu tư theo PP VCSH của Nhựa TPSC năm 2015							(242.354.069)									
Chênh lệch khi mua bổ sung cổ phiếu công ty con							(4.758.558.965)									
Tăng vốn từ quỹ ĐTPT	24.309.960.000		4.012.040.000		(24.309.960.000)	(33.725.130.000)	(3.819.254.600)									
Chia cổ tức	29.713.090.000		15.794.216.721			86.136.965.208	120.820.763.014									
Tại ngày 31/12/2016	300.056.240.000	29.155.000.000	15.794.216.721	(342.000)	2.746.814.635	86.136.965.208	120.820.763.014	554.709.657.578								

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.23.2 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.005.624	13.507.141
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.005.624	13.507.141
- Cổ phiếu phổ thông	30.005.624	13.507.141
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10	10
- Cổ phiếu phổ thông	10	10
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.005.614	13.507.131
- Cổ phiếu phổ thông	30.005.614	13.507.131

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND

5.23.3 Phân phối lợi nhuận

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty CP Nhựa Đồng Nai thực hiện chia cổ tức 22% bằng cổ phiếu, và thưởng 18% cổ phiếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển.

5.24 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.24.1 Tài sản thuê ngoài

Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai

Công ty thuê đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa 1 trong thời hạn 50 năm kể từ 1/7/2001 đến 12/4/2051 với giá trị thuê là 11.575,08 USD/năm. Tổng giá trị tiền thuê tối thiểu trong tương lai tại thời điểm 31/12/2016 là 396.832,33 USD tương ứng giá trị là 9.016.030.538 đồng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Vietcombank ngày 31/12/2016 là 22.720 VND/USD. Tổng giá trị tiền thuê tối thiểu trong tương lai tại thời điểm 31/12/2015 là 408.407,41 USD tương ứng giá trị là 9.168.746.355 đồng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Vietcombank ngày 31/12/2015 là 22.450 VND/USD..

Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú

- Hợp đồng thuê máy ép phun số 599/HĐ-NVN-TCKT ngày 18/06/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 02 ngày 25/12/2014 về việc điều chỉnh hợp đồng cho thuê thiết bị khuôn mẫu số 599/HĐ-NVN-TCKT. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2018. Giá thuê còn phải thanh toán là 1.861.460.200 đồng.
- Hợp đồng thuê máy móc, khuôn mẫu số 723/HĐ-NVN-TCKT ngày 24/07/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 03 ngày 16/09/2012, phụ lục số 04 ngày 25/12/2014. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 14 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2020. Giá thuê còn phải thanh toán là 1.039.855.288 đồng.

5.24.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	282.193,50	101.083,64
Euro (EUR)	364,14	369,60

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	1.457.205.085.950	905.862.072.037
	1.457.205.085.950	905.862.072.037

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	492.172.300	16.152.724
Giảm giá hàng bán	7.115.055	826.009.899
Hàng bán bị trả lại	2.002.730.389	1.176.707.780
	2.502.017.744	2.018.870.403

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.121.416.015.061	740.399.372.490
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.310.799)	-
	1.121.391.704.262	740.399.372.490

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.252.736.220	1.759.559.690
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.194.469.838	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.361.869.282	2.296.409.790
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	529.753.707	-
	9.338.829.047	4.055.969.480

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	66.127.619.537	21.152.374.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.193.313.154	6.713.114.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.759.319.410	2.296.409.790
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	595.032.391	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	31.800.000	-
Chi phí tài chính khác	613.472.475	24.967.806
	70.320.556.967	30.186.865.640

6.6 Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi (lỗ) theo tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết	(3.184.279.434)	-
Cổ tức nhận trong năm 2015	(201.250.000)	-
Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	(3.385.529.434)	-

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	7.866.388.304	1.326.007.399
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.227.901.891	64.893.598
Chi phí khấu hao	2.512.024.781	651.027.295
Dự phòng bảo hành sản phẩm	(877.001.142)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.054.639.562	20.205.901.331
Chi phí bằng tiền khác	10.279.508.807	2.554.727.672
	47.063.462.203	24.802.557.295

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	45.049.731.488	19.946.557.164
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.742.317.546	555.449.679
Chi phí khấu hao	14.902.918.582	3.752.315.165
Thuế, phí và lệ phí	49.265.543	33.509.273
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.972.700.682	14.277.702.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.948.966.463	825.646.817
Chi phí bằng tiền khác	31.443.453.676	13.446.266.719
	114.109.353.980	52.837.446.930

6.9 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận từ thanh lý TSCĐ	8.796.177.344	28.650.452
Thu nhập do nguyên liệu thừa	148.609.377	
Lãi từ mua rẻ Công ty con	-	
Các khoản khác	735.636.181	3.490.603.549
	9.680.422.902	3.519.254.001

6.10 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính	406.169.247	309.972.804
Các khoản khác	2.095.514.328	1.368.466.535
	2.501.683.575	1.678.439.339

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	3.661.231.703	5.129.960.818
Các công con	16.281.935.480	3.124.187.487
	19.943.167.183	8.254.148.305

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn Công ty con, Công ty liên kết	663.335.420	
Do ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện	(326.675.799)	
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc kết chuyển tài sản thuế thu nhập hoãn lại		92.100.643
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.757.293.634)	
	(1.420.634.013)	92.100.643

6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	86.349.755.611	45.058.404.272
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(697.074.129)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	86.349.755.611	44.361.330.143
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	22.247.417	10.454.839
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.881	4.243

6.14 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	86.349.755.611	45.058.404.272
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	(697.074.129)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	86.349.755.611	44.361.330.143
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.247.417	10.454.839
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.881	4.243

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Số lượng CP	CP lưu hành BQ
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.507.141	13.507.141
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 09 tháng 08 năm 2016	8.104.278	3.196.687
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2016	2.991.900	141.284
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 09 tháng 08 năm 2016 từ quỹ đầu tư phát triển	2.430.996	2.430.996
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 09 tháng 08 năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.971.309	2.971.309
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.005.624	22.247.417

Quỹ khen thưởng trích 2015 được xác định theo số thực trích trong năm 2016.

6.15 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	882.894.090.751	632.017.356.809
Chi phí nhân công	129.712.001.410	50.619.164.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.869.486.551	24.637.340.274
Thuế, phí, lệ phí	61.322.816	33.509.273
Chi phí dự phòng	13.057.760.341	14.454.783.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	151.143.409.118	80.899.394.031
	1.261.738.070.988	802.661.548.411

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	59.412.353.929	7.071.696.167
	59.412.353.929	7.071.696.167

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.443.447.221.973	859.813.866.501
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	100.000.000.000	
	1.543.447.221.973	859.813.866.501

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.225.092.784.769	736.468.929.182
	1.225.092.784.769	736.468.929.182

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và chứng khoán kinh doanh phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

II. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Ngoài các Công ty con, Công ty có cho một số đối tác, cá nhân khác vay tiền với thời hạn vay dưới 12 tháng. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

III. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	751.879.335.041	643.502.770.578	1.395.382.105.619
Trái phiếu thông thường		100.000.000.000	100.000.000.000
Phải trả người bán	69.522.175.440	-	69.522.175.440
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	13.918.031.572	316.668.910.279	330.586.941.851
	835.319.542.053	1.060.171.680.857	1.895.491.222.910
Ngày 01 tháng 01 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	377.029.470.505	24.876.851.006	401.906.321.511
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	22.991.638.166	-	22.991.638.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	4.471.460.732	-	4.471.460.732
	404.492.569.403	24.876.851.006	429.369.420.409

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn.

IV. Giá trị hợp lý (Xem tại Phụ lục 01)

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.4.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết, các giao dịch với các đối tượng khác đã được trình bày ở các thuyết minh số 5.

9.2 Thông tin về bộ phận

Theo các lĩnh vực kinh doanh, hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty được chia thành các lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Ống nhựa và phụ kiện ngành nước
- Bao bì, túi nilong xuất khẩu
- Sản xuất và phân phối nước sạch
- Sản xuất nhựa công nghiệp
- Hoạt động kinh doanh khác

Theo khu vực địa lý, hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 02 miền: Miền Bắc (gồm hoạt động của các bộ phận tại Hà Nội, Bắc Ninh, Lao Bảo) và Miền Nam (gồm hoạt động của các bộ phận tại Quảng Nam, Bình Thuận, Tp. Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang).

Công ty lập báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận được trình bày chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm.

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu

9.4.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đ)
Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	Thù lao HĐQT & BKS	540.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương trong năm 2016	5.395.100.000
Ban Tổng Giám đốc	Thưởng trong năm 2016	692.995.600

TRẦN THÁI SON
Người lập biểu

HOÀNG ANH TuẤN
Kế toán trưởng

NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

9.4.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết, các giao dịch với các đối tượng khác đã được trình bày ở các thuyết minh số 5.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phụ lục số 01: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Chi tiêu	Giá trị ghi số				Giá trị hợp lý	
	31/12/2016		01/01/2016		31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.838.423.715		117.919.781.424		154.838.423.715	117.919.781.424
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.622.200.000	(231.800.000)	20.468.270.709	-	19.390.400.000	20.468.270.709
Phải thu khách hàng và phải thu khác	352.256.246.025	(35.886.004.911)	220.106.713.971	(23.358.595.294)	316.370.241.114	196.748.118.677
Phải thu về cho vay	32.297.314.606	(610.000.000)	-		31.687.314.606	-
Tổng cộng	559.014.184.346	(36.727.804.911)	358.494.766.104	(23.358.595.294)	522.286.379.435	335.136.170.810
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán và phải trả khác (không bao gồm BHXH, BHTN, BHYT)	393.565.160.884		25.811.010.583		393.565.160.884	25.811.010.583
Vay và nợ ngắn hạn	751.879.335.041		377.029.470.505		751.879.335.041	377.029.470.505
Chi phí phải trả	6.543.956.407		1.652.088.315		6.543.956.407	1.652.088.315
Vay và nợ dài hạn	743.502.770.578		24.876.851.006		743.502.770.578	24.876.851.006
Tổng cộng	1.895.491.222.910	-	429.369.420.409	-	1.895.491.222.910	429.369.420.409

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

“Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.”

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của

các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ và ngày kết thúc năm tài chính.

Phụ lục số 02: Báo cáo bộ phận (tiếp)

Chỉ tiêu	Năm trước						Tổng cộng
	Ông và phụ kiện ngành nước	Bao bì, túi nilong nhựa	Sản xuất, phân phối nước sạch	Nhựa công nghiệp	Khác	Tổng cộng	
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	573.455.513.963	329.251.977.288	47.203.191.568		108.154.498.706	1.058.065.181.525	
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	74.906.310.041	-	-	-	79.315.669.850	154.221.979.891	
3. Khấu hao	10.418.147.944	5.132.097.030	5.618.166.484		3.694.151.421	24.862.562.879	
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.347.376.324	42.473.505.071	21.853.177.308		14.769.770.441	163.443.829.144	
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	8.695.751.200	8.523.297.694	1.784.179.567		8.470.197.657	27.473.426.118	
6. Tài sản bộ phận	223.546.142.847	62.718.020.478	99.662.931.014		48.390.901.834	434.317.996.173	
7. Tài sản không phân bổ						282.507.468.329	
Tổng tài sản						716.825.464.502	
8. Nợ phải trả bộ phận	313.539.201.654	87.858.506.270	20.078.567.421		6.093.099.645	427.569.374.990	
9. Nợ phải trả không phân bổ						23.271.897.956	
Tổng nợ phải trả						450.841.272.946	

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm trước		Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Miền Bắc	Miền Nam	
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.876.971.485	761.779.110.341	773.656.081.826
2. Tài sản bộ phận	5.965.544.939	550.933.247.928	556.898.792.867
3. Tổng chi phí đã phát sinh mua tài sản cố định	794.272.727	22.257.747.184	23.052.019.911

Phụ lục số 02: Báo cáo bộ phận

Chỉ tiêu	Năm nay						Tổng cộng
	Ông và phụ kiện ngành nước	Bao bì, túi nilong nhựa	Sản xuất, phân phối nước sạch	Nhựa công nghiệp	Khác	Tổng cộng	
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	574.306.744.126	307.947.607.064	68.115.787.785	499.716.489.550	4.616.439.681	1.454.703.068.206	
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác							
3. Khấu hao	7.413.804.163	5.803.381.998	16.631.702.759	31.592.310.900	3.658.156.373	65.099.356.193	
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.964.091.403	9.173.211.637	27.436.375.165	101.538.547.539	508.868.291	240.621.094.035	
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	32.869.933.007	596.041.791	8.136.698.664	123.833.072.284	2.206.773.277	167.642.519.023	
6. Tài sản bộ phận	310.090.815.917	50.252.155.079	905.276.759.674	368.482.022.506		1.634.101.753.177	
7. Tài sản không phân bổ						884.366.650.433	
Tổng tài sản						2.518.468.403.610	
8. Nợ phải trả bộ phận	106.499.340.312	3.677.292.626	866.605.947.610	275.868.446.917		1.252.651.027.465	
9. Nợ phải trả không phân bổ						711.107.718.567	
Tổng nợ phải trả						1.963.758.746.032	

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm nay		Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Miền Bắc	Miền Nam	
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.177.123.177	1.317.525.945.029	1.454.703.068.206
2. Tài sản bộ phận	51.843.936.828	2.466.624.466.782	2.518.468.403.610
3. Tổng chi phí đã phát sinh mua tài sản cố định	10.751.175.584	156.891.343.439	167.642.519.023



THÔNG TIN LIÊN HỆ



DNP CORP

Văn phòng Hà Nội

Tầng 10, Toà nhà HTP, 434 Trần
Khát Chân, Hà Nội

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6, toà nhà GIC 161 Ung Văn
Khiêm, quận Bình Thạnh, TP HCM

Website: www.dnpcorp.vn

▲ NHỰA ĐỒNG NAI

Trụ sở chính

Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Nhựa Đồng Nai Miền Trung

Lô 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, Quảng Nam

▲ NHỰA TÂN PHÚ

Trụ sở chính

314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

Chi nhánh Long An

Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa Hạ (Lô C16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức
Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Chi nhánh Bắc Ninh

Cụm CN Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh
DNP Ngành nước

▲ DNP NGÀNH NƯỚC

Trụ sở chính:

Tầng 4, Toà nhà Viettel Bắc Giang, số 4A, Minh Khai, TP Bắc Giang

Văn phòng Hà Nội:

Tầng 12, Toà nhà HTP, 434 Trần Khát Chân, Hà Nội

Đơn vị thành viên:

CTCP Bình Hiệp

A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Bình
Thuận

Nhà máy nước Cà Giang

Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận

Nhà máy nước Tân Thành

Tân Thành, Tỉnh Bình Thuận

CTCP Nhà máy nước Đồng Tâm

Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang

DNP- Bắc Giang

Tầng 4, Toà nhà Viettel Bắc Giang, số 4A, Minh Khai, TP Bắc Giang

DNP- Long An

250 Hùng Vương, P.4, TP.Tân An, Tỉnh Long An